

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc

22



ĐIỀU LỆ
CÔNG TY CỔ PHẦN VINCOM RETAIL

HÀ NỘI, NGÀY 15 THÁNG 9 NĂM 2017

MỤC LỤC

1.	ĐỊNH NGHĨA	1
2.	NGUYÊN TẮC GIẢI THÍCH.....	2
3.	TÊN GỌI, LOẠI HÌNH TỔ CHỨC HOẠT ĐỘNG, TRỤ SỞ, CHI NHÁNH, VĂN PHÒNG ĐẠI DIỆN VÀ THỜI HẠN HOẠT ĐỘNG CỦA CÔNG TY	3
4.	MỤC TIÊU HOẠT ĐỘNG	3
5.	QUYỀN CỦA CÔNG TY	5
6.	TRÁCH NHIỆM CỦA CÔNG TY.....	6
7.	VỐN ĐIỀU LỆ	7
8.	QUYỀN VÀ TRÁCH NHIỆM CỦA CÁC CỔ ĐÔNG	8
9.	CỔ ĐÔNG SÁNG LẬP.....	9
10.	CỔ ĐÔNG PHỔ THÔNG	9
11.	CỔ PHẦN ƯU ĐÃI.....	11
12.	THAY ĐỔI CÁC QUYỀN.....	11
13.	CHỨNG NHẬN CỔ PHIẾU VÀ SỔ ĐĂNG KÝ CỔ ĐÔNG	12
14.	CHUYỂN NHƯỢNG CỔ PHẦN.....	13
15.	THU HỒI CỔ PHẦN.....	14
16.	MUA LẠI CỔ PHẦN THEO YÊU CẦU CỦA CÁC CỔ ĐÔNG	14
17.	MUA LẠI CỔ PHẦN THEO QUYẾT ĐỊNH CỦA CÔNG TY	15
18.	THỜI HẠN THANH TOÁN VÀ TỪ CHỐI MUA LẠI CỔ PHẦN.....	15
19.	CƠ CẤU TỔ CHỨC VÀ QUẢN LÝ CỦA CÔNG TY	16
20.	QUYỀN HẠN CỦA ĐHĐCĐ	16
21.	CUỘC HỌP ĐHĐCĐ	17
22.	NGƯỜI ĐƯỢC ỦY QUYỀN DỰ HỌP ĐHĐCĐ	17
23.	TRIỆU TẬP HỌP ĐHĐCĐ, CHƯƠNG TRÌNH VÀ THÔNG BÁO HỌP ĐHĐCĐ	19
24.	ĐIỀU KIỆN TRIỆU TẬP VÀ THỂ THỨC TIẾN HÀNH HỌP ĐHĐCĐ.....	20
25.	THÔNG QUA NGHỊ QUYẾT CỦA ĐHĐCĐ.....	22
26.	BIÊN BẢN CUỘC HỌP ĐHĐCĐ	24
27.	YÊU CẦU HỦY BỎ NGHỊ QUYẾT CỦA ĐHĐCĐ	24
28.	THÀNH PHẦN VÀ NHIỆM KỶ.....	25
29.	QUYỀN VÀ TRÁCH NHIỆM CỦA HĐQT	26
30.	CHỦ TỊCH, PHÓ CHỦ TỊCH VÀ THÀNH VIÊN CỦA HĐQT	27
31.	THÀNH VIÊN HĐQT THAY THẾ.....	28
32.	CUỘC HỌP HĐQT	28
33.	TỔ CHỨC HOẠT ĐỘNG	32
34.	TỔNG GIÁM ĐỐC, CÁN BỘ QUẢN LÝ KHÁC VÀ THƯ KÝ CÔNG TY.....	32
35.	LAO ĐỘNG	33
36.	NGHĨA VỤ CỦA NGƯỜI QUẢN LÝ CÔNG TY	34
37.	TRÁCH NHIỆM CÁN TRỌNG CỦA THÀNH VIÊN HĐQT, THÀNH VIÊN BKS, TỔNG GIÁM ĐỐC VÀ CÁN BỘ QUẢN LÝ	34
38.	BỒI THƯỜNG	34
39.	BỘ NHIỆM BAN KIỂM SOÁT.....	35
40.	QUYỀN ĐIỀU TRA SỔ SÁCH VÀ HỒ SƠ	38
41.	CỔ TỨC	38
42.	TÀI KHOẢN NGÂN HÀNG	39
43.	NĂM TÀI CHÍNH.....	39
44.	BÁO CÁO VÀ CHẾ ĐỘ KẾ TOÁN	39
45.	ĐẦU TƯ TÀI CHÍNH TRONG TƯƠNG LAI	40
46.	QUỸ DỰ TRỮ BỔ SUNG VỐN ĐIỀU LỆ	40
47.	BÁO CÁO TÀI CHÍNH HÀNG NĂM	40
48.	KIỂM TOÁN.....	40
49.	CON DẤU	41

25

50.	BẢO MẬT.....	41
51.	CHẤM DỨT HOẠT ĐỘNG	41
52.	GIA HẠN THỜI HẠN HOẠT ĐỘNG.....	42
53.	THANH LÝ.....	42
54.	TRƯỜNG HỢP BẾ TẮC GIỮA CÁC THÀNH VIÊN HĐQT VÀ CỔ ĐÔNG.....	42
55.	THÔNG BÁO.....	43
56.	GIẢI QUYẾT TRANH CHẤP	43
57.	SỬA ĐỔI BỔ SUNG ĐIỀU LỆ	44
58.	NGÀY HIỆU LỰC.....	44

Phụ Lục

PHỤ LỤC 1	CHI TIẾT VỀ VỐN ĐIỀU LỆ CÔNG TY	46
-----------	---------------------------------------	----

Căn cứ Luật Doanh nghiệp 2014 và các văn bản hướng dẫn thi hành;
Căn cứ Luật Chứng khoán 2006, Luật Sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Chứng khoán 2010 và các văn bản hướng dẫn thi hành;
Căn cứ Nghị quyết số: 14A/2017/NQ-ĐHĐCĐ-VCR JSC ngày 15 tháng 9 năm 2017 của Đại hội đồng cổ đông Công ty Cổ Phần Vincom Retail.

Điều Lệ này của Công Ty Cổ Phần Vincom Retail (**Công Ty**), một công ty cổ phần được thành lập theo pháp luật Việt Nam, đưa ra các quy định ràng buộc và nguyên tắc cho hoạt động kinh doanh của Công Ty.

Điều Lệ này gồm 58 điều, được chia thành 18 chương, bao gồm Phụ Lục của Điều Lệ này, sẽ chi phối toàn bộ hoạt động của Công Ty (**Điều Lệ**).

CHƯƠNG I.

ĐỊNH NGHĨA CÁC THUẬT NGỮ TRONG ĐIỀU LỆ

ĐIỀU 1 ĐỊNH NGHĨA

Trừ khi các điều khoản hoặc ngữ cảnh của Điều Lệ này có quy định khác, các thuật ngữ dưới đây có nghĩa như sau:

Luật Doanh Nghiệp 2014 hay **Luật Doanh Nghiệp** là Luật Doanh nghiệp số 68/2014/QH13 được Quốc Hội nước Cộng Hòa Xã Hội Chủ Nghĩa Việt Nam thông qua ngày 26 tháng 11 năm 2014 và được sửa đổi bổ sung tại từng thời điểm;

Luật Chứng Khoán 2006 hay **Luật Chứng Khoán** là Luật Chứng khoán số 70/2006/QH11 được Quốc Hội nước Cộng Hòa Xã Hội Chủ Nghĩa Việt Nam thông qua ngày 29 tháng 6 năm 2006, Luật Chứng khoán sửa đổi số 62/2010/QH12 ngày 24 tháng 11 năm 2010 và được sửa đổi bổ sung tại từng thời điểm;

Đại Diện Theo Ủy Quyền là bất kỳ cá nhân nào được một Cổ Đông ủy quyền để thực hiện các quyền của Cổ Đông đó với tư cách là một Cổ Đông của Công Ty nhân danh Cổ Đông đó theo quy định của Pháp Luật; **HĐQT** có nghĩa là Hội Đồng Quản Trị của Công Ty;

Ngày Làm Việc có nghĩa là ngày không phải là thứ bảy hoặc chủ nhật hoặc ngày nghỉ lễ tại Việt Nam mà các ngân hàng mở cửa giao dịch tại Việt Nam để tiến hành hoạt động kinh doanh thương mại nói chung;

Vốn Điều Lệ có nghĩa là tổng giá trị mệnh giá cổ phần mà các Cổ Đông đóng góp theo quy định tại Điều 7 của Điều Lệ này;

Công Ty có nghĩa là Công Ty Cổ Phần Vincom Retail;

Người Điều Hành Doanh Nghiệp có nghĩa là Tổng Giám Đốc, Phó Tổng Giám Đốc, Kế Toán Trưởng và những nhân sự khác của Công ty được HĐQT chấp thuận là người điều hành của Công Ty.

ĐHĐCĐ có nghĩa là Đại Hội Đồng Cổ Đông của Công Ty; **BKS** có nghĩa là Ban Kiểm Soát của Công Ty;

IFRS có nghĩa là các Chuẩn Mục Báo Cáo Tài Chính Quốc Tế;

Pháp Luật là tất cả các luật hiến pháp, hiệp ước, luật, bộ luật, pháp lệnh, nghị định, quy chế, quyết định, thông tư, hướng dẫn, quy định, lệnh, nghị quyết hoặc bất kỳ các giải thích nào có giá trị pháp lý ràng buộc của tất cả các văn bản nói phía trên bởi bất kỳ các cơ quan nhà nước có thẩm quyền có liên quan được ban hành và công bố và được áp dụng đối với Công Ty và như được sửa đổi tại từng thời điểm;

Cổ Đông Lớn có nghĩa là Cổ Đông sở hữu trực tiếp hoặc gián tiếp từ năm phần trăm (5%) trở lên số cổ phiếu có quyền biểu quyết của Công Ty;

Cán Bộ Quản Lý có nghĩa như được quy định tại Điều 36.4 của Điều Lệ;

NTA có nghĩa là tổng tài sản hữu hình thuần, được tính bằng tổng tài sản trừ tất cả tài sản vô hình như lợi thế thương mại, sáng chế hoặc thương hiệu, và tất cả các nghĩa vụ tài sản và mệnh giá của các cổ phần ưu đãi. Cho mục đích của định nghĩa này, tài sản, nghĩa vụ và các chỉ số khác sẽ được xác định dựa trên báo cáo tài chính hợp nhất được kiểm toán của Công Ty được lập phù hợp với các chuẩn mực kế toán áp dụng tại từng thời điểm;

Cổ Phần có nghĩa là một cổ phần trong vốn cổ phần của Công Ty bao gồm (các) Cổ Phần Phổ Thông và (các) Cổ Phần Ưu Đãi (nếu có);

(các) **Cổ Phần Phổ Thông** có nghĩa là các cổ phần phổ thông của Công Ty;

Cổ Đông Sở Hữu Cổ Phần Ưu Đãi có nghĩa là người sở hữu Cổ Phần Ưu Đãi tại từng thời điểm;

(các) **Cổ Phần Ưu Đãi** có nghĩa là các cổ phần ưu đãi của Công Ty;

Người Được Ủy Quyền Dự Hợp có nghĩa là bất kỳ người nào kể cả người giữ vị trí chủ tọa cuộc họp của ĐHĐCĐ mà được ủy quyền bởi một Cổ Đông cá nhân, một Đại Diện Được Ủy Quyền, hoặc một Cổ Đông là pháp nhân hoặc tổ chức trong trường hợp Cổ Đông đó không có Đại Diện Theo Ủy Quyền để tham dự và bỏ phiếu tại cuộc họp ĐHĐCĐ;

Người Có Liên Quan có nghĩa như được quy định tại Luật Doanh Nghiệp và Luật Chứng Khoán;

Sổ Đăng Ký Cổ Đông có nghĩa là sổ đăng ký Cổ Đông của Công Ty được lập và lưu giữ theo quy định của Điều Lệ này và Luật Doanh Nghiệp;

(các) **Cổ Đông** có nghĩa là cá nhân, pháp nhân hoặc bất kỳ tổ chức nào mà (i) tên của họ và các thông tin khác mà Pháp Luật yêu cầu được nêu trong Sổ Đăng Ký Cổ Đông của Công Ty với tư cách là chủ sở hữu của các Cổ Phần và (ii) Cổ Phần của họ đã được thanh toán;

Công Ty Con là bất kỳ công ty nào mà trong đó Công Ty (i) sở hữu trên năm mươi phần trăm (50%) vốn điều lệ hoặc tổng số cổ phần phổ thông đã phát hành, (ii) có quyền trực tiếp hoặc gián tiếp bổ nhiệm đa số hoặc tất cả thành viên hội đồng quản trị và tổng giám đốc, hoặc (iii) có quyền quyết định việc sửa đổi, bổ sung điều lệ của công ty đó;

Việt Nam có nghĩa là nước Cộng Hòa Xã Hội Chủ Nghĩa Việt Nam;

VND hoặc **Việt Nam Đồng** là đồng tiền hợp pháp của nước Việt Nam.

ĐIỀU 2: NGUYÊN TẮC GIẢI THÍCH

1. Trong Điều Lệ này, tham chiếu nào tới điều khoản hoặc văn bản bất kỳ sẽ bao gồm các sửa đổi, bổ sung hoặc thay thế của văn bản đó.
2. Các tiêu đề được sử dụng chỉ để thuận tiện theo dõi và không ảnh hưởng đến việc giải thích và nội dung của các điều khoản của Điều Lệ này.
3. Bất kỳ từ ngữ hoặc thuật ngữ nào đã được quy định tại Luật Doanh Nghiệp sẽ (nếu không mâu thuẫn với chủ đề hoặc ngữ cảnh) có nghĩa tương tự trong Điều Lệ này.
4. Dẫn chiếu đến các Phụ Lục có nghĩa là dẫn chiếu đến các Phụ Lục trong Điều Lệ này.
5. Bất kỳ thuật ngữ nào được định nghĩa cho số ít cũng sẽ có nghĩa tương tự áp dụng cho số nhiều tùy

từng ngữ cảnh

CHƯƠNG II.

CÁC QUY ĐỊNH CHUNG

ĐIỀU 3: TÊN GỌI, LOẠI HÌNH TỔ CHỨC HOẠT ĐỘNG, TRỤ SỞ, CHI NHÁNH, VĂN PHÒNG ĐẠI DIỆN VÀ THỜI HẠN HOẠT ĐỘNG CỦA CÔNG TY

- Tên Công Ty:
Tên tiếng Việt: **CÔNG TY CỔ PHẦN VINCOM RETAIL**
Tên giao dịch tiếng Anh: **VINCOM RETAIL JOINT STOCK COMPANY**
Tên viết tắt: **VINCOM RETAIL JSC**
- Công Ty được thành lập theo hình thức công ty cổ phần, có tư cách pháp nhân theo quy định của Luật Doanh Nghiệp và Pháp Luật hiện hành của Việt Nam. Trong quá trình hoạt động, Công Ty phải tuân thủ Pháp Luật và các quy định tại Điều Lệ này. Trách nhiệm của các Cổ Đông đối với các bên thứ ba chỉ giới hạn trong phần vốn góp của mình trong tổng số Vốn Điều Lệ của Công Ty. Công Ty là một pháp nhân độc lập không chịu trách nhiệm đối với các khoản vay nợ hoặc các trách nhiệm khác của các Cổ Đông, trừ khi có thỏa thuận rõ ràng khác. Công Ty hoạt động trên nguyên tắc quản lý kinh tế độc lập phù hợp với Điều Lệ hiện tại, Pháp Luật và Giấy Chứng Nhận Đăng Ký Kinh Doanh.
- Trụ sở chính của Công Ty: **Số 7 đường Bằng Lăng 1, Khu đô thị Sinh thái Vinhomes Riverside, Phường Việt Hưng, Quận Long Biên, Thành phố Hà Nội, Việt Nam.**
- Tổng Giám Đốc là đại diện theo pháp luật của Công Ty.
- Công Ty có thể, theo Nghị quyết của HĐQT và phù hợp với quy định của Pháp Luật, thành lập chi nhánh, văn phòng đại diện phù hợp với lĩnh vực hoạt động kinh doanh để hỗ trợ các mục tiêu của Công Ty.
- Thời hạn hoạt động của Công Ty là vô hạn. Công Ty có thể thay đổi thời hạn hoạt động theo một nghị quyết của ĐHĐCĐ.

ĐIỀU 4. MỤC TIÊU HOẠT ĐỘNG

- Mục tiêu hoạt động của Công Ty:
 - tạo lợi thế cho hoạt động kinh doanh trung tâm thương mại bán lẻ và thành lập các khu bán lẻ cao cấp hàng đầu tại Việt Nam;
 - tạo lợi nhuận cho các Cổ Đông, tạo công ăn việc làm và thu nhập cho xã hội.
- Công Ty được phép hoạt động, bao gồm nhưng không giới hạn, trong các lĩnh vực sau:

STT	Tên ngành	Mã ngành
1.	Tư vấn, môi giới, đấu giá bất động sản, đấu giá quyền sử dụng đất	6820 (Chính)
2.	Đại lý, môi giới, đấu giá Chi tiết: Dịch vụ đại lý hoa hồng	4610
3.	Hoạt động tư vấn quản lý. Chi tiết: Hoạt động đại lý hoa hồng	7020

4.	Kinh doanh bất động sản, quyền sử dụng đất thuộc chủ sở hữu, chủ sử dụng hoặc đi thuê Chi tiết: Kinh doanh bất động sản.	6810
5.	Hoạt động dịch vụ trồng trọt Chi tiết: Dịch vụ liên quan đến nông nghiệp (Ngoại trừ dịch vụ điều tra, đánh giá và khai thác rừng tự nhiên bao gồm khai thác gỗ và săn bắn, đánh bắt động vật hoang dã quý hiếm, dịch vụ chụp ảnh hàng không, gieo hạt và phun thuốc hóa chất bằng máy bay, quản lý quỹ gien cây trồng, vật nuôi và vi sinh vật sử dụng trong nông nghiệp). Việc tiếp cận một số khu vực địa lý nhất định có thể bị hạn chế.	0161
6.	Thoát nước và xử lý nước thải Chi tiết: Dịch vụ xử lý nước thải	3700
7.	Xử lý và tiêu hủy rác thải không độc hại Chi tiết: Dịch vụ xử lý rác thải (Ngoại trừ thu gom rác trực tiếp từ các hộ gia đình. Chỉ được phép cung cấp dịch vụ tại các điểm thu gom rác thải do chính quyền địa phương cấp tỉnh và thành phố chỉ định)	3821
8.	Xây dựng nhà các loại Chi tiết: Thi công xây dựng nhà cao tầng	4100
9.	Xây dựng công trình kỹ thuật dân dụng khác Chi tiết: Thi công xây dựng công trình kỹ thuật dân dụng	4290
10.	Lắp đặt hệ thống xây dựng khác Chi tiết: Công tác lắp dựng và lắp đặt	4329
11.	Bán buôn tổng hợp Chi tiết: Thực hiện quyền phân phối bán buôn (gắn với thành lập cơ sở bán buôn) các hàng hóa theo quy định của pháp luật	4690
12.	Bán lẻ hàng hóa khác mới trong các cửa hàng chuyên doanh Chi tiết: Thực hiện quyền phân phối bán lẻ (gắn với thành lập cơ sở bán lẻ) các hàng hóa theo quy định của pháp luật	4773
13.	Dịch vụ lưu trú ngắn ngày Chi tiết: Dịch vụ xếp chỗ ở khách sạn	5510
14.	Cung cấp dịch vụ ăn uống theo hợp đồng không thường xuyên với khách hàng (phục vụ tiệc, hội họp, đám cưới...) Chi tiết: Dịch vụ cung cấp thức ăn	5621
15.	Dịch vụ phục vụ đồ uống Chi tiết: Dịch vụ cung cấp đồ uống	5630
16.	Hoạt động chiếu phim Cơ sở chiếu phim phải đáp ứng điều kiện hoạt động theo quy định của Luật Điện ảnh	5914
17.	Giáo dục mầm non	8510
18.	Giáo dục tiểu học	8520
19.	Giáo dục trung học cơ sở và trung học phổ thông	8531
20.	Giáo dục nghề nghiệp	8532
21.	Hoạt động sáng tác, nghệ thuật và giải trí Dịch vụ giải trí (trừ các hoạt động Nhà nước cấm)	9000

3. ĐHĐCĐ của Công Ty quyết định thay đổi hoặc mở rộng phạm vi kinh doanh của Công Ty theo quy định của Pháp Luật.

CHƯƠNG III.

QUYỀN VÀ NGHĨA VỤ CỦA CÔNG TY

ĐIỀU 5: QUYỀN CỦA CÔNG TY

Công Ty có các quyền sau đây:

1. Quản lý, sử dụng phần vốn góp của các Cổ Đông và các nguồn vốn khác nhằm thực hiện các mục tiêu, trách nhiệm và chiến lược kinh doanh của Công Ty.
2. Trừ khi bị Pháp Luật Việt Nam nghiêm cấm, cấp vốn cho các Công Ty Con, các công ty phụ thuộc và liên quan dưới hình thức các khoản vay để hỗ trợ đáp ứng nhu cầu vốn cho việc phát triển chiến lược kinh doanh của Công Ty, bao gồm cả việc phát triển các dự án bất động sản.
3. Tổ chức bộ máy quản lý, hoàn thiện quy chế lương, và chỉ đạo hoạt động của các đơn vị kinh doanh phù hợp với mục tiêu và nhiệm vụ của Công Ty. Phân chia và điều chỉnh các nguồn lực giữa các Công Ty Con để đảm bảo hiệu quả kinh doanh.
4. Kinh doanh trong các lĩnh vực không bị Pháp Luật cấm; mở rộng phạm vi các hoạt động kinh doanh theo khả năng của Công Ty và nhu cầu thị trường.
5. Tái cơ cấu, chấm dứt hoạt động của các Công Ty Con và phát triển hoạt động kinh doanh sản xuất của Công Ty.
6. Thành lập chi nhánh, văn phòng đại diện của Công Ty trong và ngoài nước theo quy định của Pháp Luật; mở (các) tài khoản giao dịch trong và ngoài nước.
7. Chia, tách, sáp nhập, hợp nhất, đầu tư, tham gia vào các liên doanh hoặc hợp danh, mua cổ phần, mua toàn bộ hoặc một phần tài sản của công ty khác theo quy định của Pháp Luật và phù hợp với mục tiêu phát triển của Công Ty.
8. Tìm kiếm thị trường, lựa chọn khách hàng; trực tiếp giao dịch và tham gia ký kết các loại hợp đồng với khách hàng trong và ngoài nước; được phép thực hiện các hoạt động xuất nhập khẩu để đáp ứng các yêu cầu của hoạt động kinh doanh của Công Ty.
9. Lựa chọn, tuyển dụng và sử dụng người lao động theo yêu cầu của hoạt động kinh doanh, bao gồm cả các chuyên gia nước ngoài nếu cần và được quy định bởi Pháp Luật. Lựa chọn các hình thức thanh toán lương, phân bổ thu nhập, quyết định mức lương của người lao động theo quy định của Pháp Luật.
10. Từ chối và không chấp nhận các đề nghị cung cấp tài chính không được quy định bởi Pháp Luật từ bất kỳ cá nhân, công ty hoặc tổ chức nào, trừ các đóng góp tự nguyện vì mục đích nhân đạo và lợi ích cộng đồng.
11. Quyết định giá mua, giá bán của các nguyên vật liệu, trang thiết bị, sản phẩm và dịch vụ, trừ trường hợp một số sản phẩm và dịch vụ có giá do Chính Phủ quyết định.

12. Sử dụng vốn và quỹ của Công Ty để phục vụ cho các hoạt động kinh doanh trên cơ sở bảo toàn vốn và thu lợi nhuận.
13. Lựa chọn cách thức huy động vốn từ các nguồn tài chính trong và ngoài nước. Được phép phát hành cổ phiếu, trái phiếu theo quy định của Pháp Luật.
14. Thanh lý, chuyển nhượng, thay thế, thuê, cho thuê, cầm cố tài sản, thế chấp, bảo lãnh, góp vốn bằng quyền sử dụng đất và các quyền tài sản khác phù hợp với Pháp Luật và trên cơ sở bảo toàn vốn.
15. Quyết định sử dụng và phân phối lợi nhuận cho các Cổ Đông sau khi đã hoàn thành các nghĩa vụ đối với nhà nước và phân bổ quỹ theo quy định của Pháp Luật và quyết định của HĐQT.
16. Đăng ký và thực thi quyền sở hữu trí tuệ.
17. Khởi kiện và tự bào chữa trong các thủ tục tố tụng.
18. Thuê các luật sư, kế toán, tư vấn, đại lý, cố vấn, kỹ sư, kiến trúc sư, và nhà thầu để giúp đỡ Công Ty.
19. Được hưởng và yêu cầu các chính sách ưu đãi về thuế theo quy định của Pháp Luật.
20. Thực hiện mọi hoạt động hợp pháp, ký kết các thỏa thuận, văn bản hợp pháp nếu cần thiết và cần làm nhằm mục đích phục vụ cho Công Ty và hoạt động kinh doanh của Công Ty.
21. Các quyền khác phù hợp với quy định của Pháp Luật.

ĐIỀU 6: TRÁCH NHIỆM VÀ NGHĨA VỤ CỦA CÔNG TY

Công Ty chịu trách nhiệm:

1. Hoàn thành việc đăng ký kinh doanh và hoạt động kinh doanh phù hợp với các lĩnh vực kinh doanh đã đăng ký; chịu trách nhiệm trước (i) các Cổ Đông về kết quả kinh doanh của Công Ty, và (ii) khách hàng của mình và Pháp Luật về các sản phẩm và dịch vụ do Công Ty cung cấp.
2. Lập chiến lược phát triển, kế hoạch đầu tư, kế hoạch kinh doanh phù hợp với chức năng và nhiệm vụ của Công Ty cũng như nhu cầu của thị trường.
3. Ký kết và tổ chức thực hiện các loại hợp đồng với các đối tác.
4. Thực hiện các nghĩa vụ đối với người lao động phù hợp với Bộ luật Lao động, đảm bảo cho người lao động tham gia việc quản lý Công Ty thông qua thỏa ước lao động tập thể và các quy định khác.
5. Tuân thủ các quy định Pháp Luật về bảo vệ tài nguyên thiên nhiên, bảo vệ môi trường, an ninh quốc gia, phòng cháy và chữa cháy.
6. Tuân thủ các chế độ kế toán và thống kê, chuẩn bị các bản báo cáo định kỳ phù hợp với quy định của Nhà nước và báo cáo bất thường theo yêu cầu của ĐHQĐ, và chịu trách nhiệm về tính chính xác và trung thực của các báo cáo đó.
7. Chịu sự kiểm tra của các cơ quan quản lý Nhà nước theo quy định Pháp Luật.
8. Tuân thủ các quy định về thanh tra của cơ quan Nhà nước có thẩm quyền.
9. Tuân thủ triệt để chế độ và quy định về chế độ báo cáo tài chính, thống kê – kế toán, kiểm toán và các quy chế khác được quy định bởi Pháp Luật, chịu trách nhiệm về tính chính xác và trung thực

trong các báo cáo tài chính của Công Ty.

10. Bảo toàn, phát triển vốn và các khoản quỹ của Công Ty.
11. Hoàn thành các quy định liên quan đến các hạng mục thu, chi trong bảng cân đối kế toán của Công Ty.
12. Cung cấp báo cáo tài chính hàng năm, các thông tin khách quan và có thật về hoạt động của Công Ty theo Nghị quyết của ĐHĐCĐ và quy định của Pháp Luật.
13. Nộp thuế, đóng góp vào Ngân sách Nhà nước và tuân thủ các nghĩa vụ khác theo quy định Pháp Luật.
14. Tuân thủ mọi điều khoản của Điều Lệ này và chịu trách nhiệm đối với khách hàng trong phạm vi Vốn Điều Lệ của Công Ty.

CHƯƠNG IV.

VỐN ĐIỀU LỆ, CỔ ĐÔNG SÁNG LẬP, LOẠI CỔ PHẦN, CHỨNG CHỈ CỔ PHIẾU

ĐIỀU 7: VỐN ĐIỀU LỆ

1. Vốn Điều Lệ của Công Ty được quy định chi tiết tại Phụ Lục 1 kèm theo Điều Lệ này. Công Ty có thể tăng hoặc giảm Vốn Điều Lệ theo Nghị quyết của ĐHĐCĐ và phù hợp với quy định của Pháp Luật và Phụ Lục 1 được điều chỉnh phù hợp để phản ánh việc tăng hoặc giảm Vốn Điều Lệ đó.
2. Vốn Điều Lệ được chia thành các cổ phần với mệnh giá của mỗi cổ phần là 10.000 VND (mười ngàn đồng Việt Nam). Vốn Điều Lệ của Công Ty bao gồm các Cổ Phần Phổ Thông và các Cổ Phần Ưu Đãi (nếu có).
3. Số cổ phần được quyền chào bán của Công Ty là tổng số cổ phần do ĐHĐCĐ quyết định phát hành tại từng thời điểm và được ghi nhận trong các nghị quyết của ĐHĐCĐ. HĐQT sẽ quyết định thời gian, phương thức, giá cổ phần và số lượng cổ phần được quyền chào bán. Giá của cổ phần được chào bán không được thấp hơn giá thị trường vào thời điểm chào bán hoặc giá trị ghi sổ mới nhất của cổ phiếu, ngoại trừ các trường hợp sau:
 - a. Cổ phần chào bán cho tất cả các Cổ Đông theo tỷ lệ tương ứng với số cổ phần họ hiện đang nắm giữ trong Công Ty;
 - b. Cổ phần chào bán cho bên môi giới chứng khoán hoặc tổ chức bảo lãnh phát hành/công ty chứng khoán. Trong trường hợp này, tỷ lệ chiết khấu và số lượng chiết khấu phải được sự chấp thuận của ĐHĐCĐ;
 - c. Cổ phần phát hành cho nhân viên theo Chương trình Phát hành Cổ phần Ưu đãi cho Nhân viên (ESOP) do ĐHĐCĐ phê chuẩn; hoặc
 - d. Các trường hợp khác theo Nghị quyết của ĐHĐCĐ.
4. Trừ trường hợp ĐHĐCĐ có quyết định khác, bất kỳ Cổ Phần Phổ Thông dự kiến phát hành nào sẽ được ưu tiên chào bán tới các Cổ Đông hiện hữu theo tỷ lệ tương ứng với tổng số Cổ Phần (bao gồm Cổ Phần Phổ Thông và Cổ Phần Ưu Đãi) mà Cổ Đông đó đang nắm giữ theo quy định của Pháp Luật. Các Cổ Đông được quyền chuyển quyền ưu tiên mua cổ phần của mình cho người khác. Số cổ phần Cổ Đông không đăng ký mua hết sẽ thuộc quyền kiểm soát của HĐQT. HĐQT sẽ chào bán hoặc phân phối quyền chọn mua các cổ phần đó cho các đối tượng thích hợp, theo các điều kiện và cách thức mà HĐQT cho là phù hợp, nhưng không được với các điều kiện ưu đãi hơn các điều kiện

đã chào bán cho các Cổ Đông.

5. Công Ty có thể mua lại cổ phần do chính Công Ty đã phát hành (kể cả Cổ Phần Ưu Đãi) theo những cách thức được quy định trong Điều Lệ này và Pháp Luật hiện hành. Cổ phần do Công Ty mua lại là cổ phiếu quỹ và HĐQT có thể chào bán theo những cách thức phù hợp với quy định của Điều Lệ này và Pháp Luật liên quan
6. Công Ty có quyền phát hành trái phiếu có tài sản bảo đảm và/hoặc trái phiếu không có tài sản bảo đảm, trái phiếu chuyển đổi (trái phiếu có thể được chuyển đổi thành Cổ Phần theo các điều kiện được quy định trước), chứng quyền (được phát hành cùng với trái phiếu cho phép người nắm giữ chứng nhận trái phiếu được mua một số lượng Cổ Phần với mức giá và thời gian xác định trước) và các loại chứng khoán khác theo quy định của Pháp Luật. Trừ trường hợp Pháp Luật có quy định khác, HĐQT có quyền quyết định việc phát hành trái phiếu, loại trái phiếu, tổng giá trị trái phiếu, thời điểm phát hành trái phiếu và các nội dung liên quan khác nhưng phải báo cáo ĐHCĐ tại cuộc họp gần nhất.
7. Vốn Điều Lệ sẽ không được sử dụng để chi trả cổ tức cho các Cổ Đông trong bất kỳ trường hợp nào. Trường hợp Công Ty chấm dứt hoạt động trước thời hạn, các quy định liên quan của Pháp Luật sẽ được áp dụng.

ĐIỀU 8: QUYỀN VÀ TRÁCH NHIỆM CỦA CÁC CỔ ĐÔNG

1. Các Cổ Đông là chủ sở hữu của Công Ty, có quyền và trách nhiệm tương ứng với số lượng Cổ Phần và loại Cổ Phần mà họ sở hữu. Trách nhiệm đối với các khoản nợ và nghĩa vụ tài sản khác của Công Ty của từng Cổ Đông được giới hạn trong phạm vi giá trị tính trên mệnh giá của các Cổ Phần mà người đó nắm giữ.
2. Cổ Đông có các trách nhiệm sau:
 - (i) Tuân thủ Điều Lệ của Công Ty, các nghị quyết của ĐHCĐ và quyết định của HĐQT;
 - (ii) Thanh toán vốn cổ phần theo số lượng cổ phần đăng ký mua và phù hợp với các thủ tục yêu cầu; và
 - (iii) Thực hiện các trách nhiệm khác theo quy định của Pháp Luật.
3. Cổ Đông Lớn không được lợi dụng ưu thế của mình để gây thiệt hại đến quyền và lợi ích của Công Ty và các Cổ Đông khác và có nghĩa vụ công bố thông tin theo quy định của Pháp Luật.
4. Cổ Đông là pháp nhân hoặc tổ chức có quyền cử một hoặc một số Đại Diện Theo Ủy Quyền thực hiện các quyền của mình với tư cách là một Cổ Đông của Công Ty theo quy định của Pháp Luật. Trường hợp có nhiều hơn một Đại Diện Theo Ủy Quyền được cử thì phải xác định cụ thể số cổ phần và số phiếu bầu đại diện bởi mỗi Đại diện Theo Ủy Quyền và một Đại Diện Theo Ủy Quyền của một Cổ Đông tổ chức có thể biểu quyết khác với một Đại Diện Theo Ủy Quyền khác của cùng một Cổ Đông đối với cùng một vấn đề tại cuộc họp ĐHCĐ. Công Ty có quyền dựa vào thông tin trong giấy ủy quyền để thu xếp các hoạt động của Công Ty (bao gồm việc xác định số đại biểu tham dự tối thiểu cần thiết cho cuộc họp ĐHCĐ hoặc biểu quyết để thông qua các Nghị quyết của ĐHCĐ). Cổ Đông sẽ bị ràng buộc bởi việc thực hiện hoặc không thực hiện của Đại Diện Theo Ủy Quyền được chỉ định hợp lệ của mình và hạn chế về thẩm quyền nào đối với Đại Diện Theo Ủy Quyền sẽ ràng buộc Công Ty trừ trường hợp các giới hạn đó được quy định rõ trong giấy ủy quyền.
5. Việc cử, chấm dứt hoặc thay đổi Đại Diện Theo Ủy Quyền sẽ chỉ có hiệu lực nếu được thông báo bằng văn bản đến Công Ty ít nhất bốn mươi tám (48) giờ trước khi việc cử, chấm dứt hoặc thay đổi này có hiệu lực. Trong giới hạn quy định bởi Pháp Luật, thông báo phải có các nội dung chủ yếu sau

đây:

- a. Tên, địa chỉ thường trú, quốc tịch, số và ngày quyết định thành lập hoặc đăng ký kinh doanh của Cổ Đông;
 - b. Số lượng cổ phần, loại cổ phần và ngày đăng ký Cổ Đông tại Công Ty;
 - c. Họ, tên, địa chỉ thường trú, quốc tịch, số Giấy chứng minh nhân dân, hộ chiếu hoặc chứng thực cá nhân hợp pháp khác của Đại Diện Theo Ủy Quyền;
 - d. Số cổ phần Đại Diện Theo Ủy Quyền đó được ủy quyền đại diện;
 - e. Thời hạn được ủy quyền của Đại Diện Theo Ủy Quyền; và
 - f. Họ, tên, và chữ ký của Đại Diện Theo Ủy Quyền hoặc người được ủy quyền của họ và người đại diện theo pháp luật của Cổ Đông đó.
6. Trong phạm vi quy định của Pháp Luật, Công Ty phải gửi thông báo về Đại Diện Theo Ủy Quyền được quy định tại khoản này đến cơ quan đăng ký kinh doanh.

ĐIỀU 9: CỔ ĐÔNG SÁNG LẬP

1. Do Công Ty được chuyển đổi hình thức từ công ty trách nhiệm hữu hạn sang công ty cổ phần nên Công Ty không có cổ đông sáng lập. Toàn bộ các cổ đông hiện hữu của Công Ty là Cổ Đông Phổ Thông.
2. Công Ty sẽ lập Sổ Đăng Ký Cổ Đông phù hợp với quy định của Luật Doanh Nghiệp để theo dõi và cập nhật danh sách cổ đông của Công Ty.

ĐIỀU 10: CỔ ĐÔNG PHỔ THÔNG

1. Người sở hữu Cổ Phần Phổ Thông được gọi là Cổ Đông Phổ Thông.
- 2 Các Cổ Đông Phổ Thông có quyền:
 - a. Tham dự và biểu quyết trực tiếp hoặc thông qua Đại Diện Theo Ủy Quyền về các vấn đề thuộc thẩm quyền của ĐHĐCĐ. Mỗi Cổ Phần Phổ Thông sẽ có một phiếu biểu quyết;
 - b. Nhận cổ tức theo Nghị quyết của ĐHĐCĐ;
 - c. Được ưu tiên mua cổ phần mới phát hành của Công Ty theo tỷ lệ tương ứng với tỷ lệ sở hữu Cổ Phần của mình trong Công Ty, trừ trường hợp từ bỏ quyền ưu tiên mua theo nghị quyết của ĐHĐCĐ Công Ty;
 - d. Tự do chuyển nhượng cổ phần đã được thanh toán đầy đủ của mình cho người khác theo quy định của Điều Lệ này và Pháp Luật;
 - e. Xem xét, trích lục các thông tin trong Sổ Đăng Ký Cổ Đông; kiểm tra các thông tin liên quan đến Cổ Đông trong danh sách Cổ Đông dù tư cách tham gia ĐHĐCĐ và yêu cầu sửa đổi các thông tin không chính xác;
 - f. Xem xét, tra cứu, trích lục hoặc sao chụp Điều Lệ Công Ty, sổ biên bản họp của ĐHĐCĐ và các Nghị quyết của ĐHĐCĐ;
 - g. Trong trường hợp Công Ty giải thể hoặc phá sản, có quyền nhận một phần tài sản còn lại của

Công Ty tương ứng với số Cổ Phần góp vốn vào Công Ty, sau khi Công Ty đã thực hiện các khoản thanh toán cho các chủ nợ và bất kỳ Cổ Đông Sở Hữu Cổ Phần Ưu Đãi nào và các nghĩa vụ tài chính khác theo quy định của Pháp Luật;

- h. Yêu cầu Công Ty mua lại Cổ Phần của mình trong các trường hợp quy định tại Điều 129 Luật Doanh Nghiệp;
 - i. Thực hiện bỏ phiếu từ xa đối với cuộc họp ĐHĐCĐ;
 - j. Được đối xử công bằng. Cụ thể, các Cổ Đông nắm giữ cùng một loại cổ phần sẽ có quyền, nghĩa vụ và lợi ích ngang nhau; và
 - k. Các quyền khác theo quy định của Luật Doanh Nghiệp và Điều Lệ này.
3. Một Cổ Đông hoặc nhóm các Cổ Đông nắm giữ từ 10% tổng số Cổ Phần Phổ Thông liên tục từ sáu (6) tháng trở lên ngoài các quyền và nghĩa vụ quy định tại các Điều 10.2 và Điều 10.4 còn có các quyền sau:
- a. Đề cử thành viên vào HĐQT và BKS;
 - b. Kiểm tra và nhận bản sao hoặc bản trích dẫn danh sách các Cổ Đông có quyền tham dự và bỏ phiếu tại ĐHĐCĐ;
 - c. Xem xét và trích lục sổ biên bản và các nghị quyết của HĐQT, báo cáo tài chính giữa năm và hàng năm chuẩn bị theo mẫu của Hệ thống Kế toán Việt Nam và IFRS và các báo cáo của BKS;
 - d. Yêu cầu triệu tập họp ĐHĐCĐ trong các trường hợp quy định tại Điều 114.3 và Điều 136 Luật Doanh Nghiệp;
 - e. Yêu cầu BKS kiểm tra từng vấn đề cụ thể liên quan đến quản lý, điều hành hoạt động của Công Ty khi xét thấy cần thiết. Yêu cầu phải bằng văn bản và tuân theo các quy định của Điều 114.2(d) Luật Doanh Nghiệp; và
 - f. Các quyền khác theo quy định của Luật Doanh Nghiệp.
4. Các Cổ Đông Phổ Thông của Công Ty có các nghĩa vụ sau:
- a. Tham gia các cuộc họp ĐHĐCĐ và thực hiện quyền biểu quyết trực tiếp hoặc thông qua Đại Diện Theo Ủy Quyền hoặc thực hiện bỏ phiếu từ xa (nếu có). Cổ Đông có thể ủy quyền cho thành viên HĐQT hoặc người khác làm đại diện cho mình tại ĐHĐCĐ;
 - b. Thanh toán đủ tiền mua cổ phần theo số lượng cổ phần đã đăng ký mua theo đúng thủ tục quy định;
 - c. Chịu trách nhiệm về các khoản nợ và nghĩa vụ tài sản khác của Công Ty trong phạm vi số vốn đã góp vào Công Ty;
 - d. Cung cấp địa chỉ chính xác khi đăng ký mua cổ phần;
 - e. Không được rút vốn đã góp ra khỏi Công Ty dưới mọi hình thức, trừ trường hợp được Công Ty mua lại Cổ Phần. Trường hợp có Cổ Đông rút một phần hoặc toàn bộ vốn cổ phần đã góp trái với quy định tại khoản này thì Cổ Đông đó và người có lợi ích liên quan trong Công Ty phải cùng liên đới chịu trách nhiệm về các khoản nợ và nghĩa vụ tài sản khác của Công Ty trong phạm vi giá trị cổ phần đã bị rút và các thiệt hại xảy ra;

- f. Tuân thủ Điều Lệ và các quy chế của Công Ty;
 - g. Chấp hành Nghị quyết của ĐHĐCĐ, HĐQT; và
 - h. Thực hiện các nghĩa vụ khác theo quy định tại Điều Lệ này và của Pháp Luật.
5. Cổ Đông Phổ Thông phải chịu trách nhiệm cá nhân khi nhân danh Công Ty dưới mọi hình thức để thực hiện một trong các hành vi sau đây:
- a. Vi phạm Pháp Luật;
 - b. Thực hiện các hoạt động kinh doanh và giao dịch khác để tư lợi hoặc phục vụ lợi ích của tổ chức, cá nhân khác; hoặc
 - c. Thanh toán các khoản nợ chưa đến hạn trước nguy cơ tài chính có thể xảy ra đối với Công Ty.

ĐIỀU 11: CỔ PHẦN ƯU ĐÃI

1. Phụ thuộc vào sự phê duyệt của ĐHĐCĐ và phù hợp với các quy định của Luật Doanh Nghiệp, Công Ty có quyền phát hành các loại Cổ Phần Ưu Đãi. Cổ Phần Ưu Đãi gồm các loại sau:
 - (i) Cổ Phần Ưu Đãi cổ tức;
 - (ii) Cổ Phần Ưu Đãi hoàn lại; và
 - (iii) Cổ Phần Ưu Đãi khác theo quy định ĐHĐCĐ và được quy định trong Điều Lệ, bao gồm cả các loại cổ phần kết hợp các quyền ưu đãi.
2. Người sở hữu Cổ Phần Ưu Đãi được gọi là Cổ Đông Sở Hữu Cổ Phần Ưu Đãi. Quyền và nghĩa vụ của Cổ Đông Sở Hữu Cổ Phần Ưu Đãi đối với từng loại Cổ Phần Ưu Đãi sẽ do ĐHĐCĐ quyết định phù hợp với các quy định liên quan của Luật Doanh nghiệp.
3. Cổ Phần Ưu Đãi có thể được chuyển đổi thành Cổ Phần Phổ Thông theo Nghị quyết của ĐHĐCĐ.
4. Trừ trường hợp ĐHĐCĐ đồng ý hoặc có quy định khác, bất kỳ Cổ Đông Sở Hữu Cổ Phần Ưu Đãi muốn chuyển đổi Cổ Phần Ưu Đãi thành Cổ Phần Phổ Thông phải gửi thông báo bằng văn bản tới Công Ty nêu rõ loại và số lượng Cổ Phần Ưu Đãi mà Cổ Đông đó muốn được chuyển đổi thành Cổ Phần Phổ Thông. Việc chuyển đổi Cổ Phần Ưu Đãi thành Cổ Phần Phổ Thông sẽ được hoàn thành trong vòng 07 Ngày Làm Việc kể từ ngày nhận được đề nghị của Cổ Đông Sở Hữu Cổ Phần Ưu Đãi hoặc một thời gian khác theo quy định của ĐHĐCĐ.
5. Trừ trường hợp ĐHĐCĐ đồng ý hoặc có quy định khác, khi nhận được Nghị quyết của ĐHĐCĐ phê duyệt việc chuyển đổi đó, Cổ Đông Sở Hữu Cổ Phần Ưu Đãi sẽ chuyển lại cho Công Ty chứng chỉ cổ phiếu liên quan tới số Cổ Phần sẽ được chuyển đổi, và Công Ty sẽ phát hành chứng chỉ cổ phiếu mới cho số Cổ Phần Phổ Thông hình thành từ việc được chuyển đổi đó và ghi nhận việc chuyển đổi trong Sổ Đăng Ký Cổ Đông. Không phụ thuộc vào ngày mà Cổ Đông liên quan nhận được Chứng chỉ cổ phiếu đối với số Cổ Phần Phổ Thông đó, quyền sở hữu đối với số Cổ Phần Phổ Thông sẽ được coi như bắt đầu kể từ ngày mà việc chuyển đổi được đăng ký tại Sổ Đăng Ký Cổ Đông.
6. Cổ Phần Phổ Thông hình thành từ việc chuyển đổi từ Cổ Phần Ưu Đãi sẽ được xếp ngang bằng với các Cổ Phần Phổ Thông đang lưu hành trước khi có sự chuyển đổi đó.

ĐIỀU 12: THAY ĐỔI CÁC QUYỀN

1. Các Nghị quyết của ĐHĐCĐ về việc thay đổi hoặc huỷ bỏ các quyền đặc biệt gắn liền với một loại Cổ Phần Ưu Đãi có hiệu lực khi được phê duyệt bởi Cổ Đông đại diện ít nhất 65% Cổ Phần Phổ Thông tham dự họp thông qua. Thủ tục tiến hành các cuộc họp liên quan đến việc thay đổi hoặc huỷ bỏ các quyền đặc biệt đối với loại Cổ Phần Ưu Đãi tương tự với các thủ tục tiến hành các cuộc họp ĐHĐCĐ khác quy định tại Điều Lệ này. Để tránh hiểu nhầm, quyết định của ĐHĐCĐ về các thay đổi, huỷ bỏ các quyền đặc biệt đối với loại Cổ Phần Ưu Đãi có thể được thực hiện bằng cách lấy ý kiến bằng văn bản theo quy định Điều lệ này.
2. Trừ khi các điều khoản phát hành Cổ Phần quy định khác, các quyền đặc biệt gắn liền với các loại Cổ Phần Ưu Đãi đối với một số hoặc tất cả các vấn đề liên quan đến việc phân phối lợi nhuận hoặc tài sản của Công Ty sẽ không bị thay đổi khi Công Ty phát hành thêm các Cổ Phần cùng loại.

ĐIỀU 13: CHỨNG NHẬN CỔ PHIẾU VÀ SỔ ĐĂNG KÝ CỔ ĐÔNG

1. Mọi Cổ Đông đều có quyền được cấp chứng nhận cổ phiếu tương ứng với số cổ phần và loại cổ phần sở hữu.
2. Mọi chứng nhận cổ phiếu sẽ được phát hành với chữ ký của người đại diện theo pháp luật và dấu của Công Ty, theo hình thức phù hợp với quy định của Luật Doanh Nghiệp. Chứng nhận cổ phiếu nêu rõ số lượng, loại cổ phần và số tiền đã thanh toán cổ phần đó, tên của Cổ Đông và các thông tin khác theo quy định của Luật Doanh Nghiệp.
3. Tùy thuộc vào quy định của Điều Lệ này, bất kỳ người nào có tên trong Sổ Đăng Ký Cổ Đông đối với bất kỳ Cổ Phần và loại Cổ Phần nào, đều có quyền yêu cầu nhận một chứng nhận cổ phiếu miễn phí trong vòng hai (2) tháng (hoặc lâu hơn theo như điều khoản phát hành quy định) sau khi mua hoặc (trong trường hợp chuyển nhượng) sau khi nhận chuyển nhượng.
4. Trường hợp có sự chuyển nhượng của một số Cổ Phần trong các Cổ Phần được quy định trong một chứng nhận cổ phiếu, thì chứng nhận cũ sẽ được huỷ bỏ và thay thế bởi một chứng nhận mới ghi nhận số Cổ Phần còn lại sẽ được cấp miễn phí.
5. Nếu chứng nhận cổ phiếu bị hư hỏng hoặc bị tẩy xóa hoặc bị xem là bị rơi, mất, hoặc tiêu hủy, một chứng nhận cổ phiếu mới ghi nhận số Cổ Phần tương ứng sẽ được cấp cho người nắm giữ theo yêu cầu của người đó, với điều kiện là người đó phải nộp lại cho Công Ty chứng nhận cổ phiếu cũ, hoặc (trong trường hợp bị xem là bị rơi, mất, hoặc tiêu hủy) tuân thủ các điều kiện đặt ra liên quan về chứng cứ và bồi hoàn, và (trong bất kỳ trường hợp nào phía trên) phải chịu chi phí của Công Ty theo quyết định của HĐQT. Người nắm giữ chứng nhận cổ phiếu có trách nhiệm duy nhất trong việc bảo quản, giữ gìn giấy chứng nhận. Công Ty không có bất kỳ trách nhiệm nào đối với việc mất mát hoặc sử dụng với mục đích lừa đảo của chứng nhận cổ phiếu đó.
6. Trường hợp có sai sót hoặc lỗi trong nội dung và mẫu cổ phiếu do Công ty phát hành, quyền và lợi ích của người sở hữu nó không bị ảnh hưởng. Người đại diện theo pháp luật của Công ty chịu trách nhiệm về thiệt hại do những sai sót hoặc lỗi đó gây ra.
7. Tất cả các mẫu chứng nhận cổ phiếu, chứng chỉ trái phiếu hoặc chứng khoán khác của Công Ty (không phải là các thư chào bán, chứng chỉ tạm thời và tài liệu tương tự khác), trừ trường hợp mà các điều khoản và điều kiện hiện tại có liên quan đến chứng chỉ quy định khác, phải được ban hành với con dấu và chữ ký của người đại diện theo pháp luật của Công Ty.
8. Sổ Đăng Ký Cổ Đông của Công Ty
 - (i) Công Ty phải lập và lưu giữ Sổ Đăng Ký Cổ Đông. Sổ Đăng Ký Cổ Đông có thể là văn bản, tập dữ liệu điện tử hoặc cả hai loại này;



- (ii) Sổ Đăng Ký Cổ Đông được lưu giữ tại trụ sở chính của Công Ty hoặc Trung tâm lưu ký chứng khoán (VSD). Cổ Đông có quyền kiểm tra, tra cứu hoặc trích lục, sao chép nội dung Sổ Đăng Ký Cổ Đông trong giờ làm việc của Công Ty hoặc Trung tâm lưu ký chứng khoán (VSD).
9. Trường hợp có bất kỳ thay đổi nào về nội dung Sổ Đăng Ký Cổ Đông liên quan tới bất kỳ Cổ Đông nào, thì Cổ Đông đó phải có trách nhiệm thông báo cho Công Ty và/hoặc công ty chứng khoán nơi Cổ Đông lưu ký để Công Ty/công ty chứng khoán tiến hành việc sửa đổi thông tin của Cổ Đông trong Sổ Đăng Ký Cổ Đông.
10. Công Ty sẽ không chịu trách nhiệm đối với trường hợp Công Ty không thể liên lạc và/hoặc không thể gửi thư, tài liệu cho Cổ Đông do địa chỉ của Cổ Đông không có, không chính xác hoặc không đầy đủ cho mục đích liên lạc và/hoặc gửi thư đó. Việc không thể liên lạc hoặc gửi thư gửi tài liệu đó sẽ không ảnh hưởng đến các thủ tục tập hợp ĐHĐCĐ, lấy ý kiến Cổ Đông, gửi tài liệu cho Cổ Đông và hiệu lực của các nghị quyết ĐHĐCĐ được thông qua.
11. Công Ty có thể phát hành cổ phần ghi danh không theo hình thức chứng chỉ. HĐQT có thể ban hành các quy định về chứng chỉ và chuyển nhượng cổ phần theo các quy định của Luật Doanh Nghiệp, Điều Lệ này và Pháp Luật Việt Nam.

CHƯƠNG V.

CHUYỂN NHƯỢNG, THU HỒI VÀ MUA LẠI CỔ PHẦN

ĐIỀU 14: CHUYỂN NHƯỢNG CỔ PHẦN

1. Trừ trường hợp quy định tại Điều 14.4 và Pháp Luật có quy định khác, tất cả các Cổ Phần đều được tự do chuyển nhượng.
2. Việc chuyển nhượng Cổ Phần sẽ có hiệu lực ngay sau khi việc chuyển nhượng Cổ Phần đã được đăng ký trong Sổ Đăng Ký Cổ Đông. Chỉ các Cổ Đông có tên trong Sổ Đăng ký Cổ Đông mới được coi là Cổ Đông hợp pháp của Công Ty.
3. Bất kỳ Cổ Phần nào đã được niêm yết trên sở giao dịch chứng khoán sẽ được chuyển nhượng theo các quy định của pháp luật và quy chế tương ứng của Trung tâm Lưu ký Chứng khoán Việt Nam và các quy định tương ứng của sở giao dịch chứng khoán nơi mà Cổ Phần được niêm yết.
4. HĐQT có toàn quyền từ chối đăng ký chuyển nhượng đối với bất kỳ cổ phiếu nào chưa được thanh toán đầy đủ.
5. Trong trường hợp một Cổ Đông bị chết và có yêu cầu của người có liên quan, những người thừa kế của người chết phải có một văn bản thỏa thuận để chỉ định người hoặc một số người đại diện cho số cổ phần của Cổ Đông bị chết, trong thỏa thuận phải nêu rõ mỗi người sẽ đại diện cho bao nhiêu số cổ phần. Nếu không có thỏa thuận hoặc không xác định được người thừa kế của người chết, việc thực hiện quyền liên quan đến số cổ phần của người chết sẽ tạm ngừng cho đến khi có phán quyết của cơ quan có thẩm quyền về việc xác định người hoặc những người có quyền đại diện cho số cổ phần của người chết hoặc những người thừa kế đạt được thỏa thuận.
6. Khi một Cổ Đông là một pháp nhân hoặc tổ chức bị giải thể, phá sản, sáp nhập, chia tách, chuyển đổi hình thức hoạt động, thì mọi quyền và trách nhiệm liên quan tới Cổ Phần của Cổ Đông đó sẽ được giải quyết phù hợp với quy định của Pháp Luật.
7. Cổ Phần chưa được thanh toán đầy đủ không được chuyển nhượng và hưởng các quyền lợi liên quan

như quyền nhận cổ tức, quyền nhận cổ phiếu phát hành để tăng vốn cổ phần từ nguồn vốn chủ sở hữu, quyền mua cổ phiếu mới chào bán.

ĐIỀU 15: THU HỒI CỔ PHẦN

1. Nếu một Cổ Đông không thanh toán đầy đủ và đúng hạn các khoản thanh toán đến hạn của Cổ Phần, HĐQT có thể, vào bất kỳ thời điểm nào, gửi thông báo tới Cổ Đông đó yêu cầu thực hiện ngay việc thanh toán khoản tiền chưa thanh toán cộng với tiền lãi cộng dồn trên khoản tiền đó và những chi phí phát sinh mà Công Ty phải chịu do việc không thanh toán đúng hạn gây ra.
2. Thông báo thanh toán nêu trên phải nêu rõ thời hạn thanh toán mới (không ít hơn bảy (7) ngày kể từ ngày gửi thông báo), địa điểm thanh toán được yêu cầu phải hoàn tất, và sẽ quy định rằng trong trường hợp việc thanh toán không được thực hiện theo nội dung thông báo, thì số Cổ Phần chưa thanh toán hết sẽ bị thu hồi.
3. Nếu các yêu cầu của một thông báo nêu trên không được thực hiện, bất kỳ Cổ Phần nào liên quan tới thông báo đó có thể bị thu hồi theo nghị quyết của HĐQT tại bất kỳ thời điểm nào sau đó, trước khi thanh toán đầy đủ các khoản chưa được thanh toán. Việc thu hồi bao gồm tất cả các khoản cổ tức được công bố đối với Cổ Phần bị thu hồi đó mà chưa được chi trả thực tế trước thời điểm thu hồi. HĐQT có thể chấp thuận việc giao nộp lại các Cổ Phần bị thu hồi theo các quy định dưới đây và các trường hợp khác theo quy định tại Điều Lệ này.
4. Cổ Phần bị thu hồi hoặc được giao nộp lại được coi là các cổ phần được quyền chào bán của Công Ty. HĐQT có thể trực tiếp hoặc ủy quyền bán, tái phân phối hoặc giải quyết cho người đã sở hữu Cổ Phần bị thu hồi hoặc các đối tượng khác theo những điều kiện và cách thức mà HĐQT thấy là phù hợp.
5. Cổ Đông sở hữu Cổ Phần bị thu hồi hoặc giao nộp lại sẽ bị chấm dứt tư cách Cổ Đông đối với số Cổ Phần đó, nhưng vẫn phải có trách nhiệm thanh toán cho Công Ty mọi khoản tiền tính cho tới ngày thu hồi hoặc giao nộp cho số Cổ Phần đó, cùng với tiền lãi do HĐQT xác định kể từ ngày thu hồi hoặc giao nộp cho tới ngày thanh toán và HĐQT có toàn quyền quyết định trong việc cưỡng chế thanh toán toàn bộ giá trị cổ phiếu vào thời điểm thu hồi hoặc giao nộp hoặc miễn trừ toàn bộ hoặc một phần việc thanh toán số tiền đó.
6. Khi Cổ Phần đã bị thu hồi, thông báo về việc thu hồi sẽ được gửi cho người nắm giữ Cổ Phần trước thời điểm thu hồi, nhưng trong mọi trường hợp việc thu hồi sẽ không bị mất hiệu lực vì lý do bỏ sót hoặc bất cẩn trong việc gửi thông báo.

ĐIỀU 16. MUA LẠI CỔ PHẦN THEO YÊU CẦU CỦA CÁC CỔ ĐÔNG

1. Các Cổ Đông biểu quyết phản đối các quyết định về tổ chức lại Công Ty hoặc các quyết định thay đổi các quyền và nghĩa vụ của Cổ Đông theo quy định tại Điều Lệ này có quyền yêu cầu Công Ty mua lại Cổ Phần của mình. Yêu cầu phải được thực hiện bằng văn bản, trong đó nêu rõ tên, địa chỉ của Cổ Đông đó, loại và số lượng Cổ Phần, giá chào bán, và lý do yêu cầu mua lại. Yêu cầu phải được gửi tới Công Ty trong vòng mười (10) ngày kể từ ngày ĐHCĐ phê duyệt vấn đề được quy định trong đoạn này.
2. Công Ty sẽ mua lại Cổ Phần theo yêu cầu của Cổ Đông theo quy định tại Điều 16.1 trong vòng chín mươi (90) ngày, kể từ ngày nhận được yêu cầu. Cổ Phần sẽ được mua lại theo giá trị trường tại thời điểm đó hoặc do Công Ty và Cổ Đông thỏa thuận.
3. Trường hợp không đạt được thỏa thuận về giá mua lại, HĐQT có thể yêu cầu một tổ chức thẩm định giá chuyên nghiệp định giá. Công ty giới thiệu ít nhất 03 tổ chức thẩm định giá chuyên nghiệp để cổ đông lựa chọn và lựa chọn đó là quyết định cuối cùng. Trong vòng năm (5) ngày, kể từ ngày có thông báo tham vấn chuyên gia, nếu Cổ Đông đó không phản đối, thì giá bán sẽ được coi như đã được đồng

ý. Trong trường hợp Cổ Đông đó phản đối, thì Cổ Đông đó phải gửi văn bản tới Công Ty. Tuy vậy, không phụ thuộc vào việc nhận được ý kiến phản đối đó Công Ty vẫn có quyền thực hiện việc thanh toán theo giá đã được xác định, và chấm dứt tất cả các quyền, nghĩa vụ của Cổ Đông đó liên quan tới Công Ty. Trong vòng mười (10) ngày kể từ ngày nhận được ý kiến phản đối, nếu hai bên không đạt được thỏa thuận, thì Cổ Đông đó có thể đưa vụ việc ra giải quyết tại Trung tâm Trọng tài quốc tế Việt Nam.

ĐIỀU 17: MUA LẠI CỔ PHẦN THEO QUYẾT ĐỊNH CỦA CÔNG TY

1. Công Ty có quyền mua lại không quá ba mươi phần trăm (30%) tổng số Cổ Phần Phổ Thông đã bán, một phần hoặc toàn bộ số Cổ Phần Ưu Đãi đã bán, theo các quy định dưới đây:
 - i. HĐQT có quyền quyết định mua lại không quá mười phần trăm (10%) tổng số cổ phần của từng loại đã được chào bán trong mỗi mười hai (12) tháng. Trong trường hợp khác, việc mua lại cổ phần do ĐHĐCĐ quyết định.
 - ii. HĐQT sẽ xác định giá mua lại Cổ Phần Phổ Thông. Giá mua lại của Cổ Phần Phổ Thông không được cao hơn giá thị trường tại thời điểm mua lại, trừ trường hợp Công Ty gửi đề nghị tới tất cả các Cổ Đông để mua lại lượng Cổ Phần tỷ lệ tương ứng với số Cổ Phần mà họ nắm giữ. Giá mua lại cho các loại Cổ Phần khác phải không được thấp hơn giá thị trường, trừ khi có thỏa thuận khác giữa Công Ty và Cổ Đông.
 - iii. Công Ty có thể mua lại Cổ Phần Phổ Thông của mỗi Cổ Đông theo tỷ lệ tương ứng của họ. Trong trường hợp này, Công Ty phải gửi một thông báo về quyết định mua lại Cổ Phần Phổ Thông tới tất cả các Cổ Đông trong vòng ba mươi (30) ngày, kể từ ngày quyết định được phê duyệt. Thông báo phải có các thông tin như tên và trụ sở Công Ty, tổng số Cổ Phần Phổ Thông được Công Ty mua lại, giá mua hoặc nguyên tắc xác định giá mua, thủ tục và thời hạn thanh toán, thủ tục và thời hạn các Cổ Đông phải trả lời Công Ty.
2. Các Cổ Đông chấp nhận đề nghị của Công Ty sẽ phải trả lời bằng văn bản gửi về Công Ty trong vòng ba mươi (30) ngày hoặc theo thời hạn nêu trong thông báo của Công Ty kể từ ngày nhận được thông báo về việc mua lại Cổ Phần của Công Ty.

ĐIỀU 18: THỜI HẠN THANH TOÁN VÀ TỪ CHỐI MUA LẠI CỔ PHẦN

1. Công Ty sẽ chỉ thực hiện việc thanh toán đối với việc mua lại Cổ Phần theo quy định tại Điều 16 và 17 nói trên cho các Cổ Đông nếu sau khi hoàn thành việc thanh toán cho các Cổ Phần được mua lại, Công Ty vẫn có khả năng đảm bảo chi trả mọi khoản nợ và nghĩa vụ tài sản khác.
2. Tất cả số Cổ Phần được mua lại theo Điều 16 và 17 nói trên sẽ được coi là Cổ phiếu quỹ và thuộc số Cổ Phần được quyền chào bán phù hợp với quy định hiện hành khác.
3. Cổ phiếu xác nhận quyền sở hữu Cổ Phần đã được mua lại phải được tiêu hủy ngay sau khi Cổ Phần tương ứng đã được thanh toán đủ. Chủ tịch HĐQT và Tổng Giám Đốc phải liên đới chịu trách nhiệm về thiệt hại do không tiêu hủy hoặc chậm tiêu hủy cổ phiếu gây ra đối với Công Ty.
4. Khi thực hiện thanh toán đầy đủ cho việc mua lại Cổ Phần, nếu tổng giá trị các tài sản ghi trong sổ kế toán của Công Ty giảm hơn mười phần trăm (10%), thì Công Ty phải thông báo cho tất cả các chủ nợ biết trong vòng mười lăm (15) ngày, kể từ ngày hoàn thành việc thanh toán cho số Cổ Phần mua lại.

CHƯƠNG VI.

CƠ CẤU TỔ CHỨC, QUẢN LÝ VÀ KIỂM SOÁT

ĐIỀU 19: CƠ CẤU TỔ CHỨC VÀ QUẢN LÝ CỦA CÔNG TY

Cơ cấu Tổ chức và Quản lý của Công Ty như sau:

1. **ĐHĐCĐ:** bao gồm tất cả các Cổ Đông có quyền biểu quyết, là cơ quan quyết định cao nhất của Công Ty và sẽ, không bị giới hạn hoặc ảnh hưởng bởi các quyền của HĐQT theo Điều Lệ này, thực hiện tất cả các quyền hạn của Công Ty;
2. **HĐQT:** là cơ quan quản lý của Công Ty được điều chỉnh bởi các chuẩn mực cao nhất về quản trị, điều hành doanh nghiệp và chịu trách nhiệm quản lý Công Ty vì các quyền lợi tốt nhất cho tất cả các Cổ Đông;
3. **BKS:** BKS chịu trách nhiệm về việc giám sát tình hình hoạt động và quản lý của Công Ty.
4. **Tổng Giám Đốc:** Tổng Giám Đốc (“TGD”) chịu trách nhiệm điều hành các hoạt động kinh doanh hàng ngày của Công Ty, chịu trách nhiệm trước HĐQT và trước Pháp Luật về việc thực hiện các quyền và nghĩa vụ được giao phó;

CHƯƠNG VII.

ĐẠI HỘI ĐỒNG CỔ ĐÔNG

ĐIỀU 20: QUYỀN HẠN CỦA ĐHĐCĐ

1. ĐHĐCĐ là cơ quan quyết định cao nhất của Công Ty và, không bị giới hạn và ảnh hưởng bởi các quyền của HĐQT theo Điều Lệ này, thực hiện tất cả các quyền hạn của Công Ty. ĐHĐCĐ thường niên được tổ chức mỗi năm một (1) lần và phải được tổ chức trong thời hạn bốn (4) tháng hoặc không quá sáu (6) tháng (nếu được sự chấp thuận gia hạn của cơ quan đăng ký kinh doanh), kể từ ngày kết thúc năm tài chính.
2. ĐHĐCĐ bao gồm tất cả các Cổ Đông có quyền biểu quyết theo quy định của Điều Lệ này.
3. Cùng với và không bị ảnh hưởng bởi các quyền khác của các Cổ Đông và/hoặc ĐHĐCĐ theo quy định của Điều Lệ và Pháp Luật, ĐHĐCĐ thường niên và bất thường có quyền thảo luận và quyết định các vấn đề sau:
 - a. Phê duyệt báo cáo tài chính hàng năm, báo cáo của HĐQT, báo cáo của BKS, báo cáo kế hoạch kinh doanh hàng năm;
 - b. Đưa ra các quyết định về loại Cổ phần và số lượng của từng loại Cổ phần chào bán; đưa ra các quyết định về cổ tức hàng năm của mỗi loại cổ phần trên cơ sở báo cáo và đề nghị của HĐQT;
 - c. Quyết định số lượng thành viên của HĐQT và BKS;
 - d. Bầu, miễn nhiệm hoặc bãi nhiệm thành viên HĐQT và BKS;
 - e. Quyết định chế độ thù lao cho các thành viên HĐQT và BKS (nếu có);
 - f. Bổ sung, sửa đổi Điều lệ Công Ty, trừ trường hợp điều chỉnh Vốn Điều Lệ do bán thêm cổ phần mới trong phạm vi số lượng cổ phần được quyền chào bán do HĐQT quyết định;
 - g. Xem xét xử lý các vi phạm của HĐQT hoặc BKS gây thiệt hại cho Công Ty và các Cổ Đông của Công Ty;

- h. Quyết định đầu tư hoặc bán tài sản hoặc các hợp đồng khác có tổng giá trị bằng hoặc lớn hơn 35% tổng giá trị tài sản được ghi trong báo cáo tài chính được kiểm toán gần nhất của Công Ty;
- i. Quyết định việc Công Ty mua lại trên 10% tổng số cổ phần đã bán của mỗi loại;
- j. Quyết định tổ chức lại, giải thể hoặc phá sản Công Ty;
- k. Khi cần thiết, ĐHĐCĐ tự mình hoặc theo đề xuất của HĐQT, có thể giao lại cho HĐQT quyết định và tổ chức thực hiện một số công việc thuộc thẩm quyền của ĐHĐCĐ quy định tại điều này;
- l. Xem xét và quyết định các vấn đề khác theo quy định tại Luật Doanh Nghiệp.

ĐIỀU 21: CUỘC HỌP ĐHĐCĐ

- 1. Cuộc họp ĐHĐCĐ thường niên sẽ được triệu tập bởi HĐQT tại một địa điểm thuộc Việt Nam do HĐQT xác định tùy theo thời điểm. Cuộc họp ĐHĐCĐ thường niên sẽ quyết định về các vấn đề theo quy định của Pháp Luật và Điều Lệ này, đặc biệt thông qua các báo cáo tài chính hàng năm.
- 2. HĐQT phải triệu tập họp ĐHĐCĐ bất thường trong các trường hợp sau:
 - a. HĐQT thấy cần thiết cho các lợi ích của Công Ty. Có thể là trường hợp mà các kiểm toán viên cho rằng cần phải họp để thảo luận về báo cáo kiểm toán hoặc tình hình tài chính của Công Ty và thông báo với HĐQT;
 - b. Bảng cân đối tài chính hàng năm, báo cáo quý hoặc báo cáo sáu (6) tháng, hoặc báo cáo kiểm toán của năm tài chính chỉ ra rằng vốn chủ sở hữu đã mất đi một nửa (1/2) so với đầu kỳ;
 - c. Khi số lượng thành viên HĐQT, BKS còn lại ít hơn số lượng thành viên tối thiểu quy định bởi Pháp Luật;
 - d. Một Cổ Đông hoặc nhóm Cổ Đông nêu tại Điều 10.3 có nhu cầu triệu tập họp và gửi đề nghị bằng văn bản nêu rõ lý do và mục đích của buổi họp, được ký bởi các Cổ Đông đó (và đề nghị này có thể bao gồm hai bản hoặc nhiều hơn cùng với chữ ký của tất cả các Cổ Đông đó); và
 - e. BKS yêu cầu triệu tập họp nếu có lý do tin rằng thành viên của HĐQT đã vi phạm nghiêm trọng các trách nhiệm của họ tại Điều 149 Luật Doanh Nghiệp hoặc HĐQT đã hành động hoặc có ý định hành động vượt quyền hạn cho phép.
- 3. HĐQT phải triệu tập họp ĐHĐCĐ trong thời hạn ba mươi (30) ngày kể từ ngày số thành viên HĐQT còn lại như quy định tại Điều 21.2(c) hoặc nhận được yêu cầu quy định tại các Điều 21.2(d) và Điều 21.2(e). Trường hợp HĐQT không triệu tập được cuộc họp ĐHĐCĐ này, thì trong thời hạn ba mươi (30) ngày tiếp theo, BKS sẽ triệu tập cuộc họp các Cổ Đông. Nếu BKS không triệu tập cuộc họp đó, thì trong thời hạn ba mươi (30) ngày tiếp theo Cổ Đông hoặc nhóm Cổ Đông quy định tại Điều 10.3 có quyền thay thế HĐQT, BKS để triệu tập cuộc họp ĐHĐCĐ.
- 4. Mọi chi phí cần thiết để triệu tập và tiến hành cuộc họp ĐHĐCĐ sẽ do Công Ty chi trả, tuy nhiên, để rõ ràng, thì các chi phí này sẽ không bao gồm các khoản mà các Cổ Đông phải chịu khi tham dự cuộc họp ĐHĐCĐ, đặc biệt chi phí ăn ở và đi lại.

ĐIỀU 22: NGƯỜI ĐƯỢC ỦY QUYỀN DỰ HỌP ĐHĐCĐ

- 1. Cổ Đông là thể nhân hoặc Đại Diện Theo Ủy Quyền đủ điều kiện tham dự ĐHĐCĐ có thể tham gia họp trực tiếp hoặc ủy quyền bằng văn bản cho một (1) hoặc nhiều Người Được Ủy Quyền Dự Họp (nếu được Pháp Luật cho phép) tham dự và biểu quyết nhân danh mình. Cổ Đông là tổ chức không có Đại Diện Theo

Ủy Quyền theo quy định tại Điều 8.4 của Điều Lệ này thì có quyền ủy quyền cho một (1) hoặc nhiều Người Được Ủy Quyền Dự Hợp, nếu được Pháp Luật cho phép, để tham dự cuộc họp ĐHĐCĐ và những Người Được Ủy Quyền Dự Hợp có thể có ý kiến khác nhau đối với cùng một vấn đề tại cuộc họp ĐHĐCĐ. Người Được Ủy Quyền Dự Hợp không nhất thiết phải là một Cổ Đông. Người Được Ủy Quyền Dự Hợp ĐHĐCĐ không được phép ủy quyền lại cho người khác đồng thời không được hành động vượt quá phạm vi được ủy quyền hoặc thực hiện biểu quyết nhân danh chính mình.

2. Việc ủy quyền phải được lập thành văn bản theo một mẫu thông dụng hoặc theo mẫu mà HĐQT có thể phê duyệt, và:
 - a. Trong trường hợp là cá nhân, thì giấy ủy quyền phải có chữ ký của Cổ Đông đó và Người Được Ủy Quyền Dự Hợp; và
 - b. Trong trường hợp là tổ chức, thì giấy ủy quyền phải được đóng dấu hoặc ký bởi người Đại Diện Theo Ủy Quyền, người đại diện theo pháp luật của Cổ Đông và Người Được Ủy Quyền Dự Hợp.
3. Giấy ủy quyền sẽ được gửi tới địa chỉ đã đăng ký của Công Ty hoặc tại địa điểm nêu ra tại thông báo triệu tập cuộc họp trong vòng ít nhất là bốn mươi tám (48) tiếng trước khi tổ chức cuộc họp hoặc cuộc họp mà trước đây đã bị hoãn mà người có tên trên văn bản đó phải có mặt để biểu quyết. Giấy ủy quyền được coi là gửi tới Công Ty một cách hợp lệ nếu được gửi tới số fax tại địa chỉ văn phòng được đăng ký của Công Ty hoặc tới số fax hoặc thư điện tử tại địa chỉ nêu ra tại thông báo triệu tập cuộc họp hoặc người được ủy quyền xuất trình văn bản ủy quyền khi đăng ký dự họp trước khi vào phòng họp.
4. Phiếu biểu quyết của một Người Được Ủy Quyền Dự Hợp trong phạm vi được ủy quyền vẫn có hiệu lực khi có một trong các trường hợp sau đây:
 - a. Người ủy quyền đã chết, bị hạn chế hoặc mất năng lực hành vi dân sự;
 - b. Người ủy quyền đã hủy bỏ việc ủy quyền;
 - c. Người ủy quyền đã hủy bỏ thẩm quyền của người thực hiện việc ủy quyền.

Điều 22.4 này sẽ không áp dụng trong trường hợp Công Ty nhận được thông báo về một trong các sự kiện trên bốn mươi tám (48) giờ trước giờ khai mạc cuộc họp ĐHĐCĐ hoặc trước khi cuộc họp được triệu tập lại.

5. Trong trường hợp, tại một cuộc họp ĐHĐCĐ, một người là (i) Đại Diện Theo Ủy Quyền cho nhiều Cổ Đông và/hoặc (ii) Người Được Ủy Quyền Dự Hợp của nhiều Cổ Đông và/hoặc Đại Diện Theo Ủy Quyền của Cổ Đông, thì người đó có thể bỏ phiếu biểu quyết theo những ý kiến khác nhau dựa trên các chỉ thị khác nhau của các Cổ Đông và/hoặc các Đại Diện Theo Ủy Quyền đã chỉ định hợp lệ người đó là Người Được Ủy Quyền Dự Hợp hoặc Đại Diện Theo Ủy Quyền. Để tạo điều kiện biểu quyết của người đó, nếu được yêu cầu bởi người đó, Công Ty sẽ cấp cho người đó đủ số phiếu biểu quyết và các tài liệu khác tại cuộc họp của ĐHĐCĐ.
6. Công Ty có quyền dựa vào thông tin trong giấy ủy quyền để thu xếp các hoạt động của Công Ty (bao gồm việc xác định số đại biểu tham dự tối thiểu cần thiết cho cuộc họp ĐHĐCĐ hoặc biểu quyết để thông qua các Nghị quyết của ĐHĐCĐ). Cổ Đông sẽ bị ràng buộc bởi việc thực hiện hoặc không thực hiện của Người Được Ủy Quyền Dự Hợp được chỉ định hợp lệ (bất kể do Cổ Đông đó hay Đại Diện Theo Ủy Quyền của Cổ Đông đó chỉ định) và không có giới hạn thẩm quyền nào đối với Người Được Ủy Quyền

Dự Hội đồng sẽ ràng buộc Công Ty trừ trường hợp các giới hạn đó được quy định rõ trong giấy ủy quyền.

ĐIỀU 23: TRIỆU TẬP HỘI ĐỒNG, CHƯƠNG TRÌNH VÀ THÔNG BÁO HỘI ĐỒNG

1. Hội đồng sẽ được triệu tập họp bởi HĐQT trừ khi quy định của Điều 21.3 Điều Lệ này được áp dụng.
2. Người triệu tập cuộc họp Hội đồng sẽ phải thực hiện các công việc sau:
 - a. Chuẩn bị danh sách cổ đông có quyền dự họp;
 - b. Cung cấp thông tin và giải quyết khiếu nại liên quan đến danh sách cổ đông;
 - c. Lập chương trình và nội dung cuộc họp;
 - d. Chuẩn bị tài liệu cho cuộc họp;
 - e. Dự thảo nghị quyết của Hội đồng theo nội dung dự kiến của cuộc họp; danh sách và thông tin chi tiết của các ứng cử viên trong trường hợp bầu thành viên HĐQT, Kiểm soát viên;
 - f. Xác định thời gian và địa điểm họp;
 - g. Gửi thông báo mời họp đến từng cổ đông có quyền dự họp;
 - h. Các công việc khác phục vụ cuộc họp
3. Thông báo họp Hội đồng phải bao gồm chương trình họp và các thông tin liên quan về các vấn đề sẽ thảo luận và biểu quyết tại cuộc họp. Thông báo có thể gửi trực tiếp hoặc bằng đường bưu điện đến địa chỉ của Cổ Đông hoặc tới địa chỉ mà Cổ Đông đó đăng ký nhận thông báo. Nếu một Cổ Đông đã thông báo với Công Ty bằng văn bản về một số fax hoặc địa chỉ thư điện tử mà Cổ Đông đó muốn nhận được thông báo, thì thông báo sẽ được gửi tới số fax hoặc thư điện tử đó. Thông báo về cuộc họp Hội đồng phải được gửi tới các Cổ Đông, niêm yết trên trang thông tin điện tử của Công Ty (nếu có) ít nhất mười (10) Ngày Làm Việc (không bao gồm ngày thông báo và ngày tiến hành cuộc họp) (hoặc ít nhất mười lăm (15) ngày trong trường hợp thời hạn mười (10) Ngày Làm Việc nói trên ít hơn mười lăm (15) ngày) trước ngày tiến hành cuộc họp Hội đồng. Chương trình họp Hội đồng, các tài liệu liên quan đến các vấn đề sẽ được biểu quyết tại cuộc họp Hội đồng, nghị quyết dự kiến và thể biểu quyết cho mỗi vấn đề trong chương trình họp được gửi cho các Cổ Đông và/hoặc đăng trên trang thông tin điện tử (nếu có) của Công Ty.
4. Các Cổ Đông hoặc nhóm Cổ Đông được quy định tại Điều 10.3 của Điều Lệ này có quyền đề nghị các vấn đề cần được đưa vào chương trình họp Hội đồng. Đề nghị phải được làm thành văn bản và gửi tới Công Ty ít nhất bảy (7) Ngày Làm Việc trước ngày khai mạc. Đề nghị phải có tên của Cổ Đông, số lượng và loại Cổ Phần nắm giữ, và các vấn đề kiến nghị đưa vào chương trình họp.
5. Người triệu tập cuộc họp Hội đồng có quyền từ chối các đề nghị theo Điều 23.4 nếu:
 - a. Đề nghị không được gửi đến đúng hạn, không đủ, không đúng nội dung;
 - b. Vào thời điểm đề xuất, Cổ Đông hoặc nhóm Cổ Đông không có đủ ít nhất 10% Cổ Phần Phổ Thông trong thời gian liên tục ít nhất sáu (6) tháng;
 - c. Đề nghị không bao gồm các thông tin được yêu cầu, và
 - d. Vấn đề kiến nghị không thuộc thẩm quyền của Hội đồng để thảo luận và thông qua Nghị quyết.

6. HĐQT phải soạn thảo Dự thảo Nghị quyết cho từng vấn đề trong chương trình họp;
7. Trường hợp tất cả Cổ Đông hoặc Đại Diện Theo Ủy Quyền đại diện 100% số Cổ Phần có quyền biểu quyết trực tiếp tham dự hoặc thông qua Người Được Ủy Quyền Dự Hợp tại cuộc họp ĐHĐCĐ, những Nghị quyết được ĐHĐCĐ nhất trí thông qua đều được coi là hợp lệ kể cả trong trường hợp việc triệu tập họp ĐHĐCĐ không theo đúng thủ tục hoặc nội dung biểu quyết không có trong chương trình. Để tránh hiểu nhầm, Điều này cũng áp dụng cho bất kỳ nghị quyết ĐHĐCĐ nào được thông qua dưới hình thức lấy ý kiến bằng văn bản.

ĐIỀU 24: ĐIỀU KIỆN TRIỆU TẬP VÀ THỂ THỨC TIẾN HÀNH HỌP ĐHĐCĐ

1. Cuộc họp ĐHĐCĐ sẽ do Chủ tịch HĐQT làm chủ tọa. Trường hợp Chủ tịch HĐQT vắng mặt thì Phó Chủ tịch HĐQT hoặc người được ĐHĐCĐ bầu ra sẽ chủ trì cuộc họp. Trường hợp không ai trong số họ có thể chủ trì cuộc họp, thành viên HĐQT chức vụ cao nhất có mặt sẽ tổ chức họp để bầu ra chủ tọa của cuộc họp ĐHĐCĐ, Chủ tọa không nhất thiết phải là thành viên HĐQT. Chủ tịch HĐQT, Phó Chủ tịch HĐQT hoặc chủ tọa được ĐHĐCĐ bầu ra đề cử một hoặc một số thư ký để lập biên bản cuộc họp. Trong các trường hợp khác, người ký tên triệu tập họp ĐHĐCĐ điều khiển cuộc họp bầu chủ tọa của cuộc họp ĐHĐCĐ và người có phiếu bầu cao nhất được cử làm chủ tọa của cuộc họp ĐHĐCĐ. Trường hợp bầu chủ tọa cuộc họp ĐHĐCĐ, tên chủ tọa được đề cử và số phiếu bầu cho chủ tọa phải được công bố.
2. Cuộc họp ĐHĐCĐ được coi là triệu tập hợp lệ khi có số Cổ Đông hoặc Đại Diện Theo Ủy Quyền đại diện cho ít nhất 51% tổng số Cổ Phần có quyền biểu quyết có mặt trực tiếp hoặc thông qua Người Được Ủy Quyền Dự Hợp. Trường hợp không có đủ số lượng đại biểu cần thiết, cuộc họp phải triệu tập lại trong vòng ba mươi (30) ngày kể từ ngày dự định tổ chức cuộc họp ĐHĐCĐ lần thứ nhất. Cuộc họp ĐHĐCĐ triệu tập lại chỉ được tiến hành khi có số Cổ Đông hoặc Đại Diện Theo Ủy Quyền đại diện cho ít nhất 33% Cổ Phần có quyền biểu quyết có mặt trực tiếp hoặc thông qua Người Được Ủy Quyền Dự Hợp. Trường hợp cuộc họp ĐHĐCĐ lần thứ hai không được tiến hành do không đủ số đại biểu cần thiết trong vòng sáu mươi (60) phút kể từ thời điểm ấn định khai mạc cuộc họp, cuộc họp ĐHĐCĐ lần thứ ba phải có thể được triệu tập lại trong vòng hai mươi (20) ngày kể từ ngày dự định tổ chức cuộc họp ĐHĐCĐ lần thứ hai và trong trường hợp này cuộc họp Đại hội được tiến hành không phụ thuộc vào số lượng Cổ Đông hay Đại Diện Theo Ủy Quyền tham dự và được coi là hợp lệ và có quyền quyết định tất cả các vấn đề mà cuộc họp ĐHĐCĐ lần thứ nhất có thể phê chuẩn.
3. Chỉ ĐHĐCĐ mới có quyền sửa đổi chương trình họp đã được gửi theo thông báo mời họp.
4. Cuộc họp ĐHĐCĐ có thể bao gồm hình thức hội nghị giữa các Cổ Đông, trong đó một số hoặc tất cả Cổ Đông đang ở những địa điểm khác nhau, với điều kiện là những người này phải:
 - a. có khả năng nghe được những người khác tham dự phát biểu tại cuộc họp; và
 - b. có khả năng giao tiếp được với tất cả các Cổ Đông khác cùng lúc một cách trực tiếp, thông qua điện thoại hội nghị hoặc bằng hình thức thông tin liên lạc khác. Mỗi Cổ Đông tham gia vào buổi họp sẽ được xác định là “có mặt” tại buổi họp nếu được Cổ Đông đó xác nhận việc đó bằng chữ ký của mình, bao gồm cả chữ ký điện tử.
5. Thể thức tiến hành họp:
 - a. Vào ngày tổ chức cuộc họp ĐHĐCĐ, Công Ty phải thực hiện thủ tục đăng ký Cổ Đông và phải thực hiện việc đăng ký cho đến khi các Cổ Đông có quyền dự họp có mặt đăng ký hết.
 - b. Khi tiến hành đăng ký Cổ Đông, Công Ty sẽ cấp cho từng Cổ Đông, Đại Diện Theo Ủy Quyền hoặc Người Được Ủy Quyền Dự Hợp, tùy từng trường hợp, có quyền biểu quyết một thẻ biểu quyết, trên đó có ghi số đăng ký, họ và tên của Cổ Đông, họ và tên đại diện được

ủy quyền và số phiếu biểu quyết của Cổ Đông đó. Thẻ biểu quyết có thể được mã hóa để phục vụ cho việc kiểm phiếu bằng phần mềm máy tính. Thẻ thức cụ thể tiến hành họp và biểu quyết tại cuộc họp ĐHĐCĐ sẽ theo quy định tại Quy chế tổ chức và hoạt động của cuộc họp được ĐHĐCĐ thông qua (nếu có) hoặc theo toàn quyền quyết định của ĐHĐCĐ. Cổ Đông đến dự họp muộn có quyền đăng ký và sau đó có quyền tham gia và biểu quyết ngay tại cuộc họp. Chủ tọa không có trách nhiệm dừng cuộc họp để cho Cổ Đông đến muộn đăng ký và hiệu lực của các đợt biểu quyết đã tiến hành trước khi Cổ Đông đến muộn tham dự sẽ không bị ảnh hưởng.

- c. Cuộc họp ĐHĐCĐ sẽ do Chủ tịch HĐQT chủ trì, trừ trường hợp quy định tại Điều 24.1.
- d. Quyết định của chủ tọa cuộc họp ĐHĐCĐ về trình tự, thủ tục hoặc các sự kiện phát sinh ngoài chương trình của cuộc họp ĐHĐCĐ sẽ mang tính phán quyết cao nhất.
- e. Chủ tọa cuộc họp ĐHĐCĐ có thể hoãn họp cuộc họp khi có sự nhất trí hoặc yêu cầu của ĐHĐCĐ đã có đủ số lượng đại biểu dự họp cần thiết.
- f. Chủ tọa của cuộc họp ĐHĐCĐ hoặc thư ký cuộc họp có thể tiến hành các hoạt động mà họ thấy cần thiết để điều khiển cuộc họp ĐHĐCĐ một cách hợp lệ và có trật tự; hoặc để cuộc họp phản ánh được mong muốn của đa số người tham dự. Đoàn Chủ tịch cuộc họp ĐHĐCĐ có thể được lập khi chủ tọa xét thấy cần thiết, bao gồm một số thành viên HĐQT và Cán Bộ Quản Lý của Công Ty do chủ tọa chỉ định. Đoàn Chủ tịch thực hiện một số công việc nhằm hỗ trợ việc điều hành cuộc họp ĐHĐCĐ của chủ tọa.
- g. HĐQT có thể yêu cầu các Cổ Đông, Đại Diện Theo Ủy Quyền hoặc Người Được Ủy Quyền Dự Họp chịu sự kiểm tra hoặc các biện pháp an ninh mà HĐQT cho là thích hợp. Trường hợp có Cổ Đông, Đại Diện Theo Ủy Quyền hoặc Người Được Ủy Quyền Dự Họp không chịu tuân thủ những quy định về kiểm tra hoặc các biện pháp an ninh nói trên, HĐQT sau khi xem xét một cách cẩn trọng có thể từ chối hoặc trục xuất Cổ Đông, Đại Diện Theo Ủy Quyền hoặc Người Được Ủy Quyền Dự Họp nói trên tham gia cuộc họp ĐHĐCĐ.
- h. HĐQT, sau khi đã xem xét một cách cẩn trọng, có thể tiến hành các biện pháp được HĐQT cho là thích hợp để:
 - (i) Điều chỉnh số người có mặt tại địa điểm chính cuộc họp ĐHĐCĐ;
 - (ii) Bảo đảm an toàn cho mọi người có mặt tại địa điểm đó;
 - (iii) Tạo điều kiện cho Cổ Đông tham dự (hoặc tiếp tục tham dự) cuộc họp ĐHĐCĐ.

HĐQT có toàn quyền thay đổi những biện pháp nêu trên và áp dụng tất cả các biện pháp nếu HĐQT thấy cần thiết. Các biện pháp áp dụng có thể là cấp giấy vào cửa hoặc sử dụng những hình thức lựa chọn khác.

- i. Trong trường hợp tại cuộc họp ĐHĐCĐ có áp dụng các biện pháp nói trên, HĐQT khi xác định địa điểm họp ĐHĐCĐ có thể:
 - (i) Thông báo rằng cuộc họp ĐHĐCĐ sẽ được tiến hành tại địa điểm ghi trong thông báo và chủ tọa cuộc họp ĐHĐCĐ sẽ có mặt tại đó ("**Địa điểm Chính của Cuộc họp**");
 - (ii) Bố trí, tổ chức để những Cổ Đông, Đại Diện Theo Ủy Quyền hoặc Người Được Ủy Quyền Dự Họp không dự họp được theo Điều khoản này hoặc những người muốn tham gia cuộc họp nhưng ở địa điểm khác với Địa điểm Chính của Cuộc họp vẫn

có thể tham dự cuộc họp;

Thông báo về việc tổ chức họp ĐHĐCĐ không cần nêu chi tiết những biện pháp tổ chức theo Điều khoản này.

- j. Trong Điều Lệ này (trừ khi hoàn cảnh yêu cầu khác), mọi Cổ Đông sẽ được coi là tham gia cuộc họp ĐHĐCĐ ở Địa điểm Chính của Cuộc họp.
 - k. Hàng năm Công Ty phải tổ chức ĐHĐCĐ ít nhất một (1) lần. ĐHĐCĐ thường niên không được tổ chức dưới hình thức lấy ý kiến bằng văn bản.
 - l. Mỗi cuộc họp ĐHĐCĐ sẽ được tổ chức bằng tiếng Việt, và các tài liệu bằng văn bản hoặc tài liệu khác liên quan đến ĐHĐCĐ (bao gồm thông báo mời họp) được cung cấp bằng cả tiếng Việt và tiếng Anh. Trường hợp có sự mâu thuẫn giữa bản tiếng Anh và bản tiếng Việt, nội dung của bản tiếng Việt sẽ được ưu tiên áp dụng
6. Ngoài các trường hợp như quy định nêu trên, Cổ Đông được coi là tham dự và biểu quyết tại cuộc họp ĐHĐCĐ phù hợp với quy định của Luật Doanh Nghiệp và Điều Lệ này trong trường hợp Cổ Đông bỏ phiếu thông qua hình thức bỏ phiếu điện tử.

ĐIỀU 25: THÔNG QUA NGHỊ QUYẾT CỦA ĐHĐCĐ

1. ĐHĐCĐ thông qua mọi quyết định bằng hình thức biểu quyết trực tiếp tại cuộc họp của ĐHĐCĐ hoặc lấy ý kiến các Cổ Đông bằng văn bản.
- (i) Trừ trường hợp quy định tại các Khoản (ii) dưới đây, các Nghị quyết của ĐHĐCĐ sẽ được thông qua khi có từ 51% trở lên tổng số phiếu bầu của các Cổ Đông có quyền biểu quyết có mặt trực tiếp hoặc thông qua Người Được Ủy Quyền Dự Hội Có Mặt tại ĐHĐCĐ (trong trường hợp tổ chức họp trực tiếp) hoặc ít nhất 51% số phiếu bầu của các Cổ Đông có quyền biểu quyết chấp thuận (đối với trường hợp lấy ý kiến Cổ Đông bằng văn bản).
 - (ii) Các Nghị quyết của ĐHĐCĐ liên quan đến các vấn đề dưới đây sẽ chỉ được thông qua khi có từ 65% trở lên tổng số phiếu bầu của các Cổ Đông có quyền biểu quyết có mặt trực tiếp hoặc thông qua Người Được Ủy Quyền Dự Hội Có Mặt tại ĐHĐCĐ (trong trường hợp tổ chức họp trực tiếp) hoặc ít nhất 51% tổng số phiếu bầu của các Cổ Đông có quyền biểu quyết chấp thuận (đối với trường hợp lấy ý kiến Cổ Đông bằng văn bản).
 - (A) Loại và số lượng Cổ Phần chào bán, chuyển nhượng của từng loại;
 - (B) Thay đổi ngành, nghề và lĩnh vực kinh doanh;
 - (C) Thay đổi cơ cấu tổ chức quản lý của Công Ty;
 - (D) Sửa đổi, bổ sung Điều Lệ Công Ty;
 - (E) Dự án đầu tư hoặc bán tài sản hoặc các hợp đồng khác có giá trị bằng hoặc lớn hơn 35% tổng giá trị tài sản được ghi trong báo cáo tài chính được kiểm toán gần nhất của Công Ty; và
 - (F) Tổ chức lại hoặc giải thể Công Ty.
2. Nghị quyết của ĐHĐCĐ được thông qua theo hình thức lấy ý kiến bằng văn bản có giá trị như quyết định được thông qua tại cuộc họp ĐHĐCĐ.

3. Thể thức thông qua Nghị quyết của ĐHĐCĐ:

- a. Trong trường hợp biểu quyết trực tiếp tại cuộc họp: theo Điều 24.5 của Điều Lệ này.
- b. Không phụ thuộc vào Điều 145 Luật Doanh nghiệp, trong trường hợp phê duyệt thông qua các Nghị quyết ĐHĐCĐ bằng hình thức lấy ý kiến bằng văn bản, Chủ tịch HĐQT phải thực hiện các nhiệm vụ sau:
 - (i) Quyết định các vấn đề cần lấy ý kiến, hình thức và nội dung phiếu lấy ý kiến (phiếu lấy ý kiến phải bao gồm các nội dung sau: (i) tên, địa chỉ của trụ sở chính, số và ngày cấp Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh của Công Ty, (ii) mục đích lấy ý kiến, (iii) Họ, tên, địa chỉ thường trú, quốc tịch, số Giấy chứng minh nhân dân, Hộ chiếu hoặc chứng thực cá nhân hợp pháp khác của Cổ Đông là cá nhân; tên, địa chỉ thường trú quốc tịch, số quyết định thành lập hoặc số đăng ký kinh doanh của Cổ Đông hoặc đại diện theo uỷ quyền của Cổ Đông là pháp nhân hoặc tổ chức; số lượng Cổ Phần của từng loại và số phiếu biểu quyết của Cổ Đông; (iv) vấn đề cần lấy ý kiến và các tài liệu kèm theo; (v) thời hạn để gửi ý kiến cho Công Ty; và (vi) phương án biểu quyết “tán thành”, “không tán thành”, “không có ý kiến”; (vii) Họ, tên, chữ ký của Chủ tịch HĐQT và người đại diện theo pháp luật của Công Ty;
 - (ii) Gửi phiếu lấy ý kiến cùng với các tài liệu khác có liên quan cho tất cả các Cổ Đông có quyền biểu quyết. Phiếu lấy ý kiến kèm theo dự thảo Nghị quyết và tài liệu giải trình phải được gửi bằng phương thức bảo đảm đến được địa chỉ đăng ký của từng Cổ Đông hoặc bằng thư điện tử (email) đến hòm thư điện tử đã đăng ký của Cổ Đông.
 - (iii) Phiếu lấy ý kiến đã được trả lời phải có chữ ký của Cổ Đông là cá nhân, của người Đại Diện Theo Uỷ Quyền hoặc người đại diện theo pháp luật và đóng dấu (nếu có) của Cổ Đông là pháp nhân hoặc tổ chức;
 - (iv) Phiếu lấy ý kiến phải được gửi về Công Ty bằng thư điện tử (email) hoặc bằng thư để trong phong bì dán kín và nếu là phong bì dán kín thì không ai được quyền mở trước khi kiểm phiếu. Các phiếu lấy ý kiến gửi về Công Ty sau thời hạn đã xác định tại nội dung phiếu lấy ý kiến, bị sửa chữa, tẩy xóa, đánh dấu, thêm ký hiệu hoặc đã bị mở (áp dụng đối với hình thức để trong phong bì dán kín) đều không hợp lệ;
- c. Chủ tịch HĐQT, người đại diện theo pháp luật của Công Ty, hoặc một hoặc một số thành viên HĐQT được Chủ tịch HĐQT uỷ quyền/phân công tiến hành kiểm phiếu và lập biên bản kiểm phiếu dưới sự chứng kiến của đại diện BKS hoặc của Cổ Đông không nắm giữ chức vụ quản lý Công Ty; Các thành viên HĐQT và người giám sát kiểm phiếu phải liên đới chịu trách nhiệm về tính trung thực, chính xác của biên bản kiểm phiếu; liên đới chịu trách nhiệm về các thiệt hại phát sinh từ các quyết định được thông qua do kiểm phiếu không trung thực, không chính xác;
- d. Biên bản kết quả kiểm phiếu phải gửi đến các Cổ Đông trong vòng mười lăm (15) ngày, kể từ ngày kết thúc kiểm phiếu hoặc đăng tải lên trang thông tin điện tử của Công Ty.
- e. Phiếu lấy ý kiến đã được trả lời, biên bản kiểm phiếu, toàn văn nghị quyết đã được thông qua và tài liệu có liên quan gửi kèm theo phiếu lấy ý kiến đều phải được lưu giữ tại trụ sở chính của Công Ty.
- f. Việc kiểm phiếu biểu quyết theo hình thức họp trực tiếp hoặc lấy ý kiến bằng văn bản có thể được thực hiện bằng phần mềm vi tính.
- g. Việc lấy ý kiến bằng văn bản để thông qua nghị quyết của ĐHĐCĐ được thực hiện, và các tài liệu bằng văn bản hoặc tài liệu khác liên quan đến việc lấy ý kiến bằng văn bản sẽ được cung cấp bằng tiếng Anh và tiếng Việt. Trường hợp có bất đồng giữa bản tiếng Anh và bản tiếng Việt, nội dung của bản tiếng Việt sẽ được ưu tiên áp dụng.

ĐIỀU 26: BIÊN BẢN CUỘC HỌP ĐHĐCĐ

1. Cuộc họp ĐHĐCĐ phải được ghi biên bản và có thể ghi âm hoặc ghi và lưu giữ dưới hình thức điện tử khác tùy thuộc vào quyết định của ĐHĐCĐ tại từng thời điểm. Biên bản phải có các thông tin cơ bản sau:
 - a. Tên, địa chỉ trụ sở chính, mã số doanh nghiệp của Công Ty;
 - b. Thời gian và địa điểm họp ĐHĐCĐ;
 - c. Chương trình và nội dung cuộc họp ĐHĐCĐ;
 - d. Chủ tọa và thư ký;
 - e. Tóm tắt diễn biến và các ý kiến nêu ra tại cuộc họp ĐHĐCĐ;
 - f. Các vấn đề được thảo luận và biểu quyết tại buổi họp ĐHĐCĐ, số lượng các phiếu nhất trí, phiếu không nhất trí, phiếu không có ý kiến; số lượng các phiếu hợp lệ và số lượng các phiếu không hợp lệ; các vấn đề được thông qua và tỉ lệ phiếu bầu đối với mỗi vấn đề;
 - g. Tổng số phiếu của các Cổ Đông có mặt tại cuộc họp;
 - h. Tổng số phiếu biểu quyết cho từng vấn đề; và
 - i. Tên đầy đủ, chữ ký của chủ tọa và thư ký.
2. Chủ tọa cuộc họp ĐHĐCĐ phải chịu trách nhiệm lập biên bản họp. Biên bản họp ĐHĐCĐ phải được gửi đến tất cả Cổ Đông trong thời hạn mười lăm (15) ngày, kể từ ngày kết thúc cuộc họp hoặc công bố trên trang thông tin điện tử của Công Ty trong thời hạn hai mươi bốn (24) giờ kể từ ngày cuộc họp ĐHĐCĐ kết thúc. Biên bản này sẽ được xem là minh chứng về các nội dung của cuộc họp, ngoại trừ có sự phản đối được đưa ra một cách hợp lệ đối với nội dung của biên bản họp trong vòng mười (10) ngày kể từ ngày gửi đi.
3. Biên bản phải được làm bằng tiếng Việt và tiếng Anh, có đầy đủ chữ ký của chủ tọa và thư ký cuộc họp, và được soạn thảo phù hợp với quy định của Luật Doanh Nghiệp và Điều Lệ này. Biên bản họp ĐHĐCĐ, phụ lục danh sách Cổ Đông đăng ký dự họp, Nghị quyết đã được thông qua và tài liệu có liên quan gửi kèm theo thông báo mời họp phải được lưu giữ tại trụ sở chính của Công Ty. Trường hợp có bất đồng giữa bản tiếng Anh và bản tiếng Việt, nội dung của bản tiếng Việt sẽ được ưu tiên áp dụng.

ĐIỀU 27: YÊU CẦU HỦY BỎ NGHỊ QUYẾT CỦA ĐHĐCĐ

1. Các Cổ Đông hoặc nhóm Cổ Đông quy định tại Điều 10.3 của Điều Lệ này có quyền yêu cầu Tòa án hoặc Trọng tài xem xét, huỷ bỏ Nghị quyết của ĐHĐCĐ phù hợp với quy định của Điều 147, Luật Doanh Nghiệp.
2. Trường hợp Nghị quyết của ĐHĐCĐ bị huỷ bỏ theo quyết định của Tòa án hoặc Trọng tài, người có quyền triệu tập cuộc họp ĐHĐCĐ bị huỷ bỏ có thể xem xét tổ chức lại cuộc họp ĐHĐCĐ bị huỷ bỏ trong vòng 30 ngày theo trình tự, thủ tục quy định tại Luật Doanh Nghiệp và Điều Lệ này.
3. Trường hợp có Cổ Đông, nhóm Cổ Đông yêu cầu Tòa án hoặc Trọng tài huỷ bỏ nghị quyết của ĐHĐCĐ theo quy định tại Điều 10.3 này, thì các nghị quyết đó vẫn có hiệu lực thi hành cho đến khi Tòa án, Trọng tài có quyết định khác, trừ trường hợp áp dụng biện pháp khẩn cấp tạm thời theo quyết định của cơ quan có thẩm quyền.

CHƯƠNG VIII

HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ

ĐIỀU 28: THÀNH PHẦN VÀ NHIỆM KỶ

1. Tùy thuộc vào Điều 28.2, số thành viên của HĐQT sẽ không ít hơn 5 người và không nhiều hơn 11 người (hoặc một số lượng khác phù hợp với Pháp Luật tại từng thời điểm). Tổng số Thành viên HĐQT độc lập phải chiếm ít nhất một phần ba (1/3) tổng số Thành viên HĐQT. Số lượng tối thiểu Thành viên HĐQT độc lập được xác định theo phương thức làm tròn lên tới số nguyên gần nhất. Thành viên của HĐQT không nhất thiết phải là Cổ Đông của Công Ty hoặc có quốc tịch Việt Nam và cần đáp ứng các tiêu chuẩn, điều kiện quy định tại Điều 151 Luật Doanh Nghiệp. Nhiệm kỳ của HĐQT là năm (5) năm.
2. Cơ cấu HĐQT cần đảm bảo sự cân đối giữa các thành viên có kiến thức và kinh nghiệm về pháp luật, tài chính, lĩnh vực hoạt động kinh doanh chính của Công Ty.
3. Việc biểu quyết bầu thành viên HĐQT phải được thực hiện theo phương thức bầu phổ thông đầu phiếu hoặc bầu dồn phiếu tùy theo Nghị quyết hoặc quy chế bầu cử do ĐHĐCĐ phê duyệt tại từng thời điểm.
4. Thành viên của HĐQT (bao gồm cả thành viên HĐQT độc lập) có thể được tái bổ nhiệm với số nhiệm kỳ không hạn chế. Nếu một thành viên của HĐQT không hoàn thành công việc của mình vì một lý do đặc biệt, thì HĐQT có thể báo cáo vấn đề đó tại kỳ họp ĐHĐCĐ kế tiếp để thông báo và thay thế. Việc thay thế thành viên của HĐQT phải theo nguyên tắc kế thừa, bảo đảm rằng có ít nhất một phần ba (1/3) số thành viên là các thành viên của nhiệm kỳ trước. Trong trường hợp đặc biệt, vấn đề này có thể được quyết định bởi ĐHĐCĐ.
5. Các Cổ Đông có quyền gộp số quyền biểu quyết của từng người lại với nhau để đề cử các ứng viên HĐQT theo quy định của Pháp Luật. Cổ Đông hoặc nhóm Cổ Đông nắm giữ từ 10% đến dưới 30% được đề cử hai (2) thành viên; từ 30% đến dưới 50% được đề cử ba (3) thành viên; từ 50% đến dưới 65% được đề cử bốn (4) thành viên và nếu từ 65% trở lên được đề cử đủ số ứng viên. Trường hợp số lượng các ứng viên HĐQT thông qua đề cử và ứng cử vẫn không đủ số lượng cần thiết, HĐQT đương nhiệm có thể đề cử thêm ứng cử viên hoặc tổ chức đề cử theo một cơ chế do Công Ty quy định. Cơ chế đề cử hay cách thức HĐQT đương nhiệm đề cử ứng cử viên HĐQT phải được công bố rõ ràng và phải được ĐHĐCĐ thông qua trước khi tiến hành đề cử.
6. Tư cách thành viên HĐQT bị chấm dứt trong các trường hợp sau:
 - a. Nếu thành viên đó vi bất kỳ quy định nào của Luật Doanh Nghiệp hoặc Pháp Luật bị cấm làm thành viên HĐQT;
 - b. Nếu thành viên đó từ chức bằng một thông báo bằng văn bản gửi tới trụ sở chính của Công Ty;
 - c. Nếu thành viên đó bị qua đời hoặc rối loạn tâm thần và các thành viên khác của HĐQT nhận thấy rằng thành viên đó không còn đủ năng lực hành vi;
 - d. Nếu thành viên đó trong vòng sáu (6) tháng liên tiếp không tham dự các cuộc họp của HĐQT mà không có sự chấp thuận của HĐQT trong các cuộc họp HĐQT, và HĐQT đã quyết định rằng chức vụ của người này bị bỏ trống;
 - e. Bị miễn nhiệm, bãi nhiệm theo Nghị quyết của ĐHĐCĐ.
7. HĐQT phải triệu tập họp ĐHĐCĐ để bầu bổ sung thành viên HĐQT trong các trường hợp sau:

- a. Số thành viên HĐQT bị giảm quá một phần ba (1/3) so với số lượng quy định tại Điều Lệ. Trường hợp này, HĐQT phải triệu tập họp ĐHĐCĐ trong thời hạn (60) ngày từ ngày số thành viên HĐQT bị giảm quá một phần ba (1/3); hoặc
- b. Số lượng thành viên HĐQT độc lập giảm xuống, không bảo đảm tỷ lệ quy định tại Điều 134.1 Luật Doanh Nghiệp.

Trường hợp khác, tại cuộc họp gần nhất, ĐHĐCĐ bầu thành viên mới thay thế thành viên HĐQT đã bị miễn nhiệm, bãi nhiệm.

8. Nếu một thành viên HĐQT qua đời, từ nhiệm, nghỉ hưu hoặc mất năng lực, Cổ Đông đề cử thành viên HĐQT đó có thể chỉ định một thành viên HĐQT thay thế.
9. Nếu một người được chỉ định làm thành viên HĐQT bị cấm đảm nhận vai trò thành viên HĐQT theo quy định của Pháp Luật hiện hành, Cổ Đông chỉ định thành viên HĐQT đó phải nhanh chóng miễn nhiệm thành viên HĐQT đó (trừ khi người đó không còn là thành viên HĐQT).

ĐIỀU 29: QUYỀN VÀ TRÁCH NHIỆM CỦA HĐQT

1. Hoạt động kinh doanh, chỉ đạo, theo dõi và quản lý nói chung của Công Ty và Công Ty Con phải được quản lý hoặc chịu sự điều hành của HĐQT. HĐQT là cơ quan quyền lực đại diện cho Công Ty trong mọi việc, trừ các vấn đề thuộc thẩm quyền của ĐHĐCĐ.
2. HĐQT có trách nhiệm kiểm tra giám sát các hoạt động quản lý của TGD và các Người Điều Hành Doanh Nghiệp khác.
3. Quyền và nghĩa vụ của HĐQT được quy định bởi Pháp Luật, Điều Lệ này, và các nghị quyết của ĐHĐCĐ. Cụ thể, trừ khi vấn đề liên quan thuộc thẩm quyền Nghị quyết của ĐHĐCĐ theo Điều 20.3, HĐQT có các quyền và nghĩa vụ sau:
 - a. Quyết định kế hoạch phát triển sản xuất kinh doanh và kế hoạch ngân sách hàng năm của Công Ty;
 - b. Hoạch định chiến lược và các mục tiêu hoạt động của Công Ty;
 - c. Quyết định cơ cấu tổ chức của Công Ty, quy chế quản lý nội bộ Công Ty;
 - d. Đề xuất các loại Cổ phần và tổng số Cổ phần được quyền chào bán của từng loại;
 - e. Quyết định giá của từng loại cổ phần, trái phiếu và chứng khoán chuyển đổi; quyết định chào bán cổ phần trong phạm vi số cổ phần được quyền chào bán của từng loại; quyết định huy động thêm vốn theo hình thức khác;
 - f. Bổ nhiệm, miễn nhiệm, cách chức, ký hợp đồng, chấm dứt hợp đồng đối với Tổng Giám Đốc, Giám đốc Công Ty Con, trưởng chi nhánh hoặc văn phòng đại diện nhưng việc miễn nhiệm đó sẽ không được trái các quyền theo hợp đồng lao động của người bị miễn nhiệm nếu có;
 - g. Cử người đại diện theo uỷ quyền thực hiện quyền sở hữu cổ phần hoặc phần vốn góp ở công ty khác, quyết định mức thù lao và lợi ích khác của những người đó;
 - h. Đề xuất mức cổ tức hàng năm và xác định mức cổ tức tạm thời; tổ chức việc chi trả cổ tức;
 - i. Đề xuất việc tái cơ cấu tổ chức hoặc giải thể Công Ty;
 - j. Thành lập chi nhánh hoặc văn phòng đại diện của Công Ty;

- k. Thành lập Công Ty Con của Công Ty;
 - l. Quyết định giải pháp phát triển thị trường, tiếp thị và công nghệ, thông qua các hợp đồng mua, bán, vay, cho vay, hợp đồng thương mại, dân sự, tài chính và hợp đồng khác có giá trị từ 10% đến dưới 35% tổng giá trị tài sản được ghi trong báo cáo tài chính gần nhất của Công Ty, trừ các hợp đồng và giao dịch thuộc thẩm quyền của ĐHĐCĐ được quy định tại Điều 162.3 của Luật Doanh Nghiệp và Điều 20.3(h) Điều Lệ này.
 - m. Các khoản vay của Công ty và các hoạt động cầm cố, thế chấp, bảo lãnh, giao dịch bảo đảm hoặc bồi thường của Công ty có giá trị từ 10% đến dưới 35% tổng giá trị tài sản được ghi trong báo cáo tài chính gần nhất của Công Ty;
 - n. Góp vốn, mua hoặc bán các cổ phần của các công ty được thành lập ở Việt Nam hay nước ngoài;
 - o. Định giá tài sản không phải bằng tiền góp vào Công Ty, tài sản góp vốn vào doanh nghiệp hay tổ chức khác, bao gồm cả vàng, quyền sử dụng đất, quyền sở hữu trí tuệ, công nghệ, bí quyết công nghệ và tài sản khác;
 - p. Việc Công Ty mua lại cổ phần theo Điều 130.1 Luật Doanh Nghiệp;
 - q. Các quyền khác theo quy định của Pháp Luật và nghị quyết của ĐHĐCĐ;
4. HĐQT phải báo cáo với ĐHĐCĐ về các hoạt động của mình, đặc biệt về các hoạt động giám sát đối với TGD và các Cán Bộ Quản Lý khác trong năm tài chính. Trường hợp HĐQT không trình báo cáo cho ĐHĐCĐ, báo cáo tài chính hàng năm của Công Ty sẽ bị coi là không có giá trị và chưa được ĐHĐCĐ thông qua.
 5. HĐQT có thể thành lập các tiểu ban hoặc cử thành viên HĐQT phụ trách riêng về từng vấn đề để hỗ trợ hoạt động của HĐQT, bao gồm: tiểu ban chính sách phát triển, tiểu ban kiểm toán nội bộ, tiểu ban nhân sự, tiểu ban lương thưởng và các tiểu ban đặc biệt khác (nếu cần thiết, theo toàn quyền quyết định của HĐQT. Việc thành lập các tiểu ban của HĐQT phải được sự chấp thuận của ĐHĐCĐ..
 6. HĐQT có thể ủy quyền hoặc phân cấp cho các nhân viên cấp dưới và các Cán Bộ Quản Lý khác quyết định, ký kết các tài liệu và tổ chức thực hiện các công việc thuộc thẩm quyền quyết định, phê chuẩn của HĐQT, trừ các trường hợp bắt buộc phải được HĐQT trực tiếp quyết định theo quy định của Pháp Luật.
 7. Các thành viên của HĐQT có thể được phép hưởng thù lao cho việc thực hiện công việc phù hợp với Nghị quyết của ĐHĐCĐ.
 8. Mỗi cuộc họp HĐQT sẽ được tổ chức bằng tiếng Việt và bất kỳ tài liệu bằng văn bản nào hoặc tài liệu khác liên quan đến cuộc họp HĐQT (bao gồm các thông báo triệu tập cuộc họp) phải được cung cấp bằng tiếng Việt và tiếng Anh. Trường hợp có mâu thuẫn giữa bản tiếng Anh và bản tiếng Việt, nội dung tại bản tiếng Việt sẽ được ưu tiên áp dụng.
 9. HĐQT bổ nhiệm một người làm người phụ trách quản trị và các vấn đề về quản lý của Công Ty ("**Người Phụ Trách Quản Trị Công Ty**"). Người Phụ Trách Quản Trị Công Ty có thể đồng thời là Thư Ký Công Ty. Người Phụ Trách Quản Trị Công Ty phải là người có hiểu biết về pháp luật, không được đồng thời làm việc cho công ty kiểm toán độc lập đang thực hiện kiểm toán các báo cáo tài chính của Công Ty. Quyền và nghĩa vụ của Người Phụ Trách Quản Trị Công Ty theo quy định của Pháp Luật.

ĐIỀU 30: CHỦ TỊCH, PHÓ CHỦ TỊCH VÀ THÀNH VIÊN CỦA HĐQT

1. HĐQT sẽ lựa chọn ra trong số các thành viên của mình để bầu ra một Chủ tịch trong số các thành viên HĐQT. Chủ tịch HĐQT sẽ lựa chọn ra trong số các thành viên HĐQT một số Phó Chủ tịch (nếu thấy

cần thiết). Chủ tịch HĐQT không được kiêm nhiệm chức danh Tổng Giám Đốc của Công Ty.

2. Chủ tịch HĐQT có trách nhiệm triệu tập và chủ tọa cuộc họp ĐHĐCĐ và các buổi họp của HĐQT, và có các quyền hạn và trách nhiệm theo quy định tại Điều Lệ này và Luật Doanh Nghiệp.
3. Trong trường hợp được Chủ tịch ủy quyền, Phó Chủ tịch có các quyền và nghĩa vụ như Chủ tịch nhưng chỉ trong trường hợp Chủ tịch đã thông báo cho HĐQT rằng mình vắng mặt hoặc phải vắng mặt (vắng mặt được hiểu là không có mặt tại trụ sở chính của Công Ty hoặc không có mặt tại phòng làm việc của mình tại trụ sở chính của Công Ty), vì những lý do bất khả kháng hoặc mất khả năng thực hiện nhiệm vụ của mình. Trong trường hợp nêu trên mà Chủ tịch không chỉ định Phó Chủ tịch hành động như vậy, các thành viên còn lại của HĐQT sẽ chỉ định Phó Chủ tịch. Trường hợp cả Chủ tịch và Phó Chủ tịch tạm thời không thể thực hiện nhiệm vụ của họ vì lý do nào đó, HĐQT có thể bổ nhiệm một người khác trong số họ để thực hiện nhiệm vụ của Chủ tịch theo nguyên tắc đa số quá bán.
4. Chủ tịch HĐQT phải có trách nhiệm đảm bảo việc HĐQT gửi báo cáo tài chính hàng năm, báo cáo hoạt động của Công Ty, báo cáo kiểm toán và báo cáo kiểm tra của HĐQT cho các Cổ Đông tại ĐHĐCĐ.
5. Trường hợp Chủ tịch từ chức hoặc bị bãi miễn, HĐQT phải bầu người thay thế trong thời hạn mười (10) ngày kể từ ngày từ chức hoặc bãi nhiệm.
6. Trong trường hợp xét thấy cần thiết và được Pháp Luật cho phép, Chủ tịch HĐQT được ủy quyền theo vụ việc hoặc ủy quyền thường xuyên hoặc phân cấp cho (các) Phó Chủ tịch HĐQT ký các văn bản, tài liệu thay mặt Chủ tịch HĐQT và thực hiện một số các quyền hạn, trách nhiệm và nhiệm vụ của Chủ tịch HĐQT. (Các) Phó Chủ tịch HĐQT được ủy quyền phải chịu trách nhiệm trước Chủ tịch HĐQT về việc thực hiện các công việc được ủy quyền.

ĐIỀU 31: THÀNH VIÊN HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ THAY THẾ

1. Thành viên HĐQT có thể ủy quyền cho người khác đến dự họp cuộc họp HĐQT nếu được đa số thành viên HĐQT chấp thuận.
2. Thành viên HĐQT thay thế có quyền nhận các thông báo triệu tập cuộc họp của HĐQT và tất cả các cuộc họp khác của HĐQT mà người chỉ định mình là thành viên để tham dự và biểu quyết tại cuộc họp mà người chỉ định họ không có mặt, và được phép thực hiện các chức năng nhiệm vụ của người chỉ định với tư cách như thành viên HĐQT đã vắng mặt nhưng không được phép nhận bất kỳ khoản thù lao nào từ Công Ty cho việc thực hiện công việc như một thành viên HĐQT thay thế. Công Ty không bắt buộc phải gửi thông báo về cuộc họp nói trên cho một thành viên HĐQT thay thế không có mặt tại Việt Nam.
3. Thành viên HĐQT thay thế sẽ phải từ bỏ tư cách thành viên HĐQT thay thế nếu người chỉ định người đó chấm dứt tư cách thành viên HĐQT nhưng nếu một (1) thành viên HĐQT hết nhiệm kỳ nhưng lại được tái bổ nhiệm hoặc được coi là tái bổ nhiệm tại cuộc họp ĐHĐCĐ mà thành viên đó thôi giữ chức do hết nhiệm kỳ thì việc chỉ định thành viên HĐQT thay thế nào do thành viên đó thực hiện ngay trước thời điểm hết nhiệm kỳ sẽ tiếp tục có hiệu lực sau khi thành viên đó được tái bổ nhiệm.
4. Việc chỉ định hoặc bãi nhiệm thành viên thay thế phải được thành viên HĐQT chỉ định hoặc bãi nhiệm người thay thế làm bằng văn bản thông báo và ký gửi cho Công Ty hoặc theo hình thức khác do HĐQT phê chuẩn.
5. Ngoài những quy định khác đã được nêu trong Điều Lệ này, thành viên thay thế sẽ được coi như là thành viên HĐQT trên mọi phương diện và phải chịu trách nhiệm cá nhân về hành vi và sai lầm của mình mà không được coi là người đại diện thừa hành sự ủy quyền của thành viên HĐQT đã chỉ định mình.

ĐIỀU 32: CUỘC HỌP HĐQT

1. Trường hợp HĐQT bầu Chủ tịch thì cuộc họp đầu tiên của nhiệm kỳ HĐQT để bầu Chủ tịch và ra các quyết định khác thuộc thẩm quyền phải được tiến hành trong thời hạn bảy (7) Ngày Làm Việc, kể từ ngày kết thúc bầu cử HĐQT nhiệm kỳ đó. Cuộc họp này do thành viên có số phiếu bầu cao nhất triệu tập. Trường hợp có nhiều hơn một (1) thành viên có số phiếu bầu cao nhất và ngang nhau thì các thành viên đã bầu theo nguyên tắc đa số một người trong số họ triệu tập họp HĐQT.
2. Họp thường kỳ: Bất kỳ thành viên HĐQT nào có thể triệu tập các cuộc họp HĐQT, lập chương trình nghị sự, thời gian và địa điểm họp ít nhất bảy (7) Ngày Làm Việc trước khi bắt đầu cuộc họp. Sau đó Chủ tịch có thể triệu tập họp vào bất kỳ thời điểm nào mà Chủ tịch cho là cần thiết, nhưng ít nhất mỗi quý phải họp một (1) lần.
3. Họp bất thường: Bất kỳ thành viên HĐQT nào có thể triệu tập cuộc họp bất thường khi thấy cần thiết vì lợi ích của Công Ty. Ngoài ra, Chủ tịch HĐQT phải triệu tập cuộc họp HĐQT bất thường ngay lập tức khi có một trong những người sau đây gửi yêu cầu bằng văn bản đưa ra mục đích và nội dung các vấn đề cần phải thảo luận:
 - a. TGD hoặc ít nhất năm (5) Người Điều Hành Doanh Nghiệp khác;
 - b. Ít nhất hai (2) thành viên của HĐQT; hoặc
 - c. Đa số các thành viên BKS.
4. Không phụ thuộc vào các quy định tại Điều 32.3, bất kỳ thành viên HĐQT nào có thể, và theo yêu cầu của bất kỳ Cổ Đông nào sẽ, triệu tập cuộc họp HĐQT vào bất kỳ lúc nào sau khi đã thông báo đến từng thành viên HĐQT, trừ khi việc triệu tập đó vi phạm Pháp Luật Việt Nam.
5. Các cuộc họp HĐQT quy định tại Điều 32.3 phải được tiến hành trong thời hạn bảy (7) Ngày Làm Việc kể từ ngày nhận được yêu cầu họp HĐQT. Nếu Chủ tịch không triệu tập họp thì người yêu cầu tại Điều 32.3 có quyền tự mình triệu tập họp HĐQT.
6. Theo yêu cầu của các kiểm toán viên độc lập, Chủ tịch HĐQT phải triệu tập họp HĐQT để bàn bạc về báo cáo kiểm toán và tình hình của Công Ty.
7. Địa điểm họp: Cuộc họp HĐQT được tổ chức tại Trụ sở chính của Công Ty hoặc tại một địa điểm khác trong lãnh thổ Việt Nam, hoặc với sự đồng ý của HĐQT, ngoài lãnh thổ Việt Nam theo chỉ định của Chủ tịch HĐQT và được sự nhất trí của HĐQT.
8. Thông báo và Chương trình họp: Thông báo họp HĐQT phải được gửi trước cho các thành viên HĐQT ít nhất năm (5) Ngày Làm Việc trước khi tổ chức họp (trừ trường hợp họp khẩn cấp hoặc bất thường theo quyết định của Chủ tịch HĐQT), các thành viên HĐQT có thể từ chối thông báo mời họp bằng văn bản và việc từ chối này có thể có hiệu lực hồi tố. Thông báo triệu tập họp HĐQT phải được lập thành văn bản bằng tiếng Việt (và tiếng Anh) và phải thông báo đầy đủ về chương trình, thời gian, địa điểm họp, kèm theo các tài liệu cần thiết về các vấn đề sẽ được bàn bạc và biểu quyết tại cuộc họp và các phiếu biểu quyết cho các thành viên không thể tham dự cuộc họp. Trường hợp có mâu thuẫn giữa bản tiếng Anh và bản tiếng Việt, nội dung tại bản tiếng Việt sẽ được ưu tiên áp dụng. Thông báo mời họp được gửi bằng buu điện, fax, thư điện tử hoặc phương tiện khác, nhưng phải bảo đảm đến được địa chỉ của từng thành viên HĐQT được đăng ký tại Công Ty.

9. Số thành viên tham dự cuộc họp:

Cuộc họp HĐQT được tiến hành khi có từ ba phần tư (3/4) tổng số thành viên của HĐQT có mặt trực tiếp hoặc thông qua thành viên thay thế.

Trường hợp cuộc họp không đủ số thành viên dự họp theo quy định thì được triệu tập lần thứ hai trong thời hạn 07 ngày, kể từ ngày dự định họp lần thứ nhất. Trường hợp này, cuộc họp được tiến hành, nếu có hơn một nửa số thành viên HĐQT (hoặc thành viên thay thế) dự họp.

10. Biểu quyết:

- a. Mỗi thành viên HĐQT hoặc người thay thế thành viên HĐQT, và các người được ủy quyền tham dự họp sẽ có một (1) phiếu biểu quyết.
 - b. Thành viên của HĐQT không biểu quyết về bất kỳ hợp đồng hay thỏa thuận hoặc đề xuất nào mà có quyền lợi của thành viên đó, hoặc liên quan tới các nghĩa vụ của thành viên đó mà xung đột hoặc có thể xung đột với lợi ích của Công Ty. Thành viên HĐQT sẽ không được tính vào số đại biểu tối thiểu có mặt tại buổi họp nếu nghị quyết thông qua tại cuộc họp là về vấn đề mà thành viên đó mà không được phép biểu quyết.
 - c. Nếu có bất kỳ vấn đề nào phát sinh tại cuộc họp có liên quan đến lợi ích của thành viên HĐQT hoặc liên quan tới quyền biểu quyết của thành viên HĐQT và vấn đề đó không được giải quyết bằng sự tự nguyện từ bỏ quyền biểu quyết của thành viên HĐQT đó, thì vấn đề đó sẽ được chuyển tới Chủ tọa cuộc họp và quyết định của Chủ tọa sẽ là quyết định cuối cùng, trừ trường hợp tính chất hoặc phạm vi lợi ích của thành viên HĐQT liên quan chưa được công bố đầy đủ.
11. Công khai lợi ích: Thành viên HĐQT trực tiếp hoặc gián tiếp được hưởng lợi từ một hợp đồng hoặc giao dịch đã được ký kết hoặc đang dự kiến ký kết với Công Ty và biết là mình có lợi ích trong đó, sẽ phải công khai bản chất, nội dung của quyền lợi đó trong cuộc họp mà HĐQT lần đầu tiên xem xét vấn đề ký kết hợp đồng hoặc giao dịch này. Trường hợp một thành viên HĐQT không biết bản thân và Người Có Liên Quan có lợi ích vào thời điểm hợp đồng, giao dịch được ký với Công Ty, thành viên HĐQT này phải công khai các lợi ích liên quan tại cuộc họp đầu tiên của HĐQT được tổ chức sau khi thành viên này biết rằng mình có lợi ích hoặc sẽ có lợi ích trong giao dịch hoặc hợp đồng liên quan.
12. Biểu quyết theo đa số: HĐQT sẽ thông qua nghị quyết và ra quyết định theo đa số (hơn 50%) trên số thành viên HĐQT (hoặc thành viên thay thế) tham dự họp. Trường hợp số phiếu tán thành và phản đối ngang bằng nhau, thì Chủ tịch HĐQT sẽ có một lá phiếu quyết định.
13. Việc bỏ phiếu của người vắng mặt: Các thành viên HĐQT vắng mặt có thể biểu quyết về nghị quyết của HĐQT bằng phương thức bỏ phiếu bằng văn bản. Những phiếu bằng văn bản này phải được gửi bằng thư điện tử (email) hoặc bằng thư để trong phong bì dán kín gửi tới Chủ tịch hoặc nếu không gửi được cho Chủ tịch thì gửi cho thư ký của Chủ tịch hoặc một người được ủy quyền khác của Công Ty ít nhất một (1) tiếng trước thời gian quy định tại buổi họp. Những phiếu bằng văn bản đó sẽ được mở tại cuộc họp trước sự chứng kiến của tất cả những người tham dự cuộc họp.
14. Họp thông qua điện thoại hoặc hình thức khác: Cuộc họp HĐQT có thể dưới hình thức hội nghị giữa các thành viên HĐQT, trong đó một số hoặc tất cả thành viên ở những địa điểm khác nhau với điều kiện là từng thành viên HĐQT tham gia có thể:
- a. Nghe từng thành viên HĐQT khác cùng tham gia phát biểu trong cuộc họp; và
 - b. Nếu muốn, người đó có thể phát biểu với tất cả các thành viên tham dự khác một cách đồng thời,
- Việc trao đổi giữa các thành viên có thể thực hiện một cách trực tiếp, qua điện thoại hội nghị hoặc hình

thức thông tin liên lạc khác (có thể đang được sử dụng khi thông qua Điều Lệ này hoặc được phát triển sau này) hoặc kết hợp các hình thức khác nhau. Theo Điều Lệ này từng thành viên HĐQT tham gia cuộc họp đó sẽ được coi là “có mặt”. Địa điểm cuộc họp được tổ chức theo cách thức quy định tại điều khoản này được xác định theo địa điểm mà nhóm thành viên HĐQT đồng nhất tập hợp lại, hoặc nếu không có nhóm thành viên nào như vậy, thì địa điểm sẽ được xác định là địa điểm nơi Chủ tọa cuộc họp hiện diện.

Nghị quyết được thông qua trong cuộc họp tổ chức dưới hình thức họp qua điện thoại sẽ có hiệu lực ngay khi kết thúc buổi họp, nhưng các thành viên HĐQT tham dự cuộc họp này phải xác nhận theo mẫu văn bản của Công Ty.

15. Thông qua Nghị quyết bằng hình thức lấy ý kiến bằng văn bản: Khi cần thiết, Chủ tịch HĐQT có thể quyết định lấy ý kiến các thành viên HĐQT có quyền biểu quyết bằng văn bản theo các thủ tục sau:
- i. Gửi thông báo lấy ý kiến bằng văn bản kèm theo các tài liệu có liên quan đến việc thông qua Nghị quyết cho các thành viên HĐQT; và
 - ii. Các thành viên HĐQT biểu quyết theo yêu cầu của Chủ tịch HĐQT ghi trong Thông báo lấy ý kiến;
 - iii. Chủ tịch HĐQT tổ chức kiểm phiếu dưới sự chứng kiến của 01 thành viên HĐQT và 01 thư ký ghi biên bản. Biên bản kiểm phiếu phải có đầy đủ chữ của Chủ tịch HĐQT, thành viên HĐQT chứng kiến và thư ký ghi biên bản. phải liên đới chịu trách nhiệm về tính trung thực, chính xác của biên bản kiểm phiếu; Những người ký tên trong Biên bản kiểm phiếu phải liên đới chịu trách nhiệm về các thiệt hại phát sinh từ các quyết định được thông qua do kiểm phiếu không trung thực, không chính xác;
 - iv. Căn cứ vào kết quả kiểm phiếu, Chủ tịch HĐQT thay mặt HĐQT ký ban hành Nghị quyết và Quyết định của HĐQT về các vấn đề đã được các thành viên HĐQT thông qua.

Nghị quyết này có hiệu lực và giá trị như một nghị quyết được các thành viên HĐQT thông qua tại một cuộc họp được triệu tập và tổ chức hợp lệ.

16. Biên bản cuộc họp:

Các cuộc họp của HĐQT phải được ghi biên bản và có thể ghi âm, ghi và lưu giữ dưới hình thức điện tử khác. Chủ tịch HĐQT có trách nhiệm chuyển biên bản họp HĐQT cho các thành viên và những biên bản đó sẽ phải được xem như những bằng chứng xác thực về công việc đã được tiến hành trong các cuộc họp đó trừ khi có ý kiến phản đối về nội dung biên bản trong thời hạn mười (10) ngày kể từ khi chuyển đi. Biên bản phải được làm bằng tiếng Việt, và phải có các nội dung theo quy định tại Điều 154 Luật Doanh Nghiệp, trừ trường hợp thông qua Nghị quyết bằng hình thức lấy ý kiến bằng văn bản. Trong trường hợp cần thiết, biên bản cuộc họp HĐQT sẽ được lập hoặc/và dịch sang tiếng nước ngoài.

17. Những người tham dự khác: TGD, các Người Điều Hành Doanh Nghiệp khác, và các chuyên gia có thể tham dự cuộc họp HĐQT theo lời mời của HĐQT nhưng không được biểu quyết, trừ khi chính bản thân họ có quyền biểu quyết như một thành viên của HĐQT.
18. Các Nghị quyết được thông qua tại cuộc họp HĐQT có 100% số thành viên HĐQT trực tiếp (bất kể có mặt trực tiếp, thông qua cuộc gọi hội thoại hoặc các hình thức giao tiếp khác) và ủy quyền tham dự, là hợp lệ và có hiệu lực, ngay cả khi trình tự và thủ tục triệu tập, nội dung chương trình họp và thể thức tiến hành họp không được thực hiện đúng như quy định. Để tránh hiểu nhầm, Điều này cũng được áp dụng cho bất kỳ quyết định nào được HĐQT thông qua dưới hình thức lấy ý kiến bằng văn bản.

CHƯƠNG IX

TỔNG GIÁM ĐỐC, NGƯỜI ĐIỀU HÀNH DOANH NGHIỆP VÀ THƯ KÝ CÔNG TY

ĐIỀU 33: TỔ CHỨC HOẠT ĐỘNG

Công Ty sẽ thiết lập hệ thống quản lý trong đó tổ chức quản lý sẽ chịu trách nhiệm và hoạt động dưới sự lãnh đạo của HĐQT. Công Ty sẽ có TGD, một số Phó TGD, và một Kế toán trưởng. TGD, Phó TGD có thể kiêm cả vị trí là thành viên của HĐQT, được bổ nhiệm hoặc bãi nhiệm theo nghị quyết của HĐQT.

ĐIỀU 34: TỔNG GIÁM ĐỐC, NGƯỜI ĐIỀU HÀNH DOANH NGHIỆP VÀ THƯ KÝ CÔNG TY

1. Bổ nhiệm: HĐQT bổ nhiệm một thành viên trong HĐQT hoặc người khác làm TGD và Chủ tịch HĐQT sẽ ký hợp đồng quy định về tiền lương, thưởng, ưu đãi và các quy định lao động khác đối với TGD.
2. Nhiệm kỳ: Nhiệm kỳ của TGD là năm (5) năm, trừ khi được quy định khác bởi HĐQT và có thể được tái bổ nhiệm. Việc bổ nhiệm có thể hết hiệu lực theo quy định trong hợp đồng lao động. TGD phải đáp ứng đủ tiêu chuẩn điều kiện tại Điều 157.2 Luật Doanh Nghiệp;
3. Nếu nhiệm kỳ của TGD đương chức hết hạn mà TGD mới chưa được bổ nhiệm thì nhiệm kỳ của TGD đương chức sẽ được kéo dài cho tới thời điểm TGD mới được bổ nhiệm.
4. Quyền và trách nhiệm: TGD có các quyền và trách nhiệm sau:
 - a. Tổ chức thực hiện các Nghị quyết của ĐHĐCĐ và HĐQT, kế hoạch kinh doanh, kế hoạch đầu tư của Công Ty đã được ĐHĐCĐ hoặc HĐQT phê duyệt;
 - b. Quyết định các vấn đề không thuộc thẩm quyền của HĐQT, bao gồm nhưng không giới hạn ở việc đại diện cho Công Ty tham gia ký kết và thực hiện các loại hợp đồng thương mại, dân sự, tài chính và hợp đồng khác, tổ chức và chỉ đạo các hoạt động sản xuất kinh doanh hàng ngày của Công Ty theo những thông lệ quản lý tốt nhất;
 - c. Quyết định các hợp đồng mua, bán, vay, cho vay và hợp đồng thương mại, dân sự, tài chính và hợp đồng khác có giá trị dưới 10% tổng giá trị tài sản được ghi trong báo cáo tài chính gần nhất của Công Ty;
 - d. Quyết định các khoản vay của Công Ty và các hoạt động cầm cố, thế chấp, bảo lãnh, giao dịch bảo đảm hoặc bồi thường của Công Ty có giá trị dưới 10% tổng giá trị tài sản được ghi trong báo cáo tài chính gần nhất của Công Ty;
 - e. Quyết định Bổ nhiệm, miễn nhiệm, cách chức Phó Tổng giám đốc, Kế toán trưởng, Trưởng phòng, Trưởng ban, Phó Trưởng phòng, Phó Trưởng ban và các Người Điều Hành Doanh Nghiệp khác, trừ các chức danh thuộc thẩm quyền của HĐQT;
 - f. Quyết định lương và phụ cấp (nếu có) đối với người lao động trong Công Ty kể cả Người Điều Hành Doanh Nghiệp (trừ Tổng Giám Đốc) thuộc thẩm quyền bổ nhiệm của Tổng Giám Đốc.
 - g. Quyết định tuyển dụng lao động;
 - h. Đề xuất các biện pháp nâng cao hoạt động sản xuất kinh doanh và quản lý của Công Ty;
 - i. Được uỷ quyền cho cấp dưới thực hiện một hoặc một số công việc thuộc thẩm quyền và phải chịu trách nhiệm trước pháp luật và trước HĐQT về việc uỷ quyền đó.
 - j. Thực hiện các hoạt động khác thuộc trách nhiệm của mình theo quy định tại Điều Lệ, nghị quyết của ĐHĐCĐ, ủy quyền hoặc phân cấp của HĐQT, hợp đồng lao động của Tổng Giám Đốc và

quy định của Pháp Luật.

5. Báo cáo lên HĐQT và các Cổ Đông: TGD chịu trách nhiệm báo cáo HĐQT và cuộc họp ĐHĐCĐ về việc thực hiện các trách nhiệm của mình và các công việc khác theo yêu cầu.
6. Bãi nhiệm: HĐQT có thể bãi nhiệm TGD thông qua phiếu biểu quyết đại diện cho hai phần ba (2/3) tổng số thành viên HĐQT (trường hợp này không tính phiếu biểu quyết của chính TGD) và bổ nhiệm TGD mới thay thế.
7. Người Điều Hành Doanh Nghiệp khác:
 - a. Theo đề nghị của TGD và được sự chấp thuận của HĐQT, Công Ty được sử dụng số lượng và loại Người Điều Hành Doanh Nghiệp cần thiết hoặc phù hợp với cơ cấu và thông lệ quản lý Công Ty do TGD đề xuất tùy từng thời điểm. Người Điều Hành Doanh Nghiệp khác phải có sự miễn cần cần thiết để các hoạt động và tổ chức của Công Ty đạt được các mục tiêu đề ra.
 - b. Mức lương, tiền thù lao, lợi ích và các điều khoản khác trong hợp đồng lao động đối với TGD sẽ do HĐQT quyết định và hợp đồng với những Người Điều Hành Doanh Nghiệp khác sẽ do HĐQT quyết định sau khi tham khảo ý kiến của TGD.
8. Thư ký Công Ty:
 - a. HĐQT sẽ chỉ định ít nhất một (1) người làm Thư ký Công Ty với nhiệm kỳ và những điều khoản theo quyết định của HĐQT. HĐQT có thể bãi nhiệm Thư ký Công Ty khi cần nhưng không trái với các quy định Pháp Luật hiện hành về lao động. HĐQT cũng có thể bổ nhiệm một (1) hay nhiều trợ lý Thư ký Công Ty tùy từng thời điểm. Vai trò và nhiệm vụ của Thư ký Công Ty bao gồm:
 - (i) Chuẩn bị cho các cuộc họp của HĐQT, BKS và ĐHĐCĐ theo yêu cầu của Chủ tịch HĐQT hoặc Trưởng BKS;
 - (ii) Làm biên bản các cuộc họp;
 - (iii) Tư vấn về thủ tục của các cuộc họp;
 - (iv) Tham dự các cuộc họp;
 - (v) Đảm bảo các Nghị quyết của ĐHĐCĐ, HĐQT phù hợp với luật pháp;
 - (vi) Cung cấp các thông tin tài chính, bản sao biên bản họp HĐQT và các thông tin khác cho thành viên của HĐQT và BKS.
 - b. Thư ký Công Ty có trách nhiệm bảo mật thông tin theo các quy định của Pháp Luật và Điều Lệ Công Ty.

ĐIỀU 35: LAO ĐỘNG

1. Tổng Giám Đốc có toàn quyền lựa chọn tuyển dụng nhân viên theo các quy định của Công Ty. Đối với những vị trí thuộc thẩm quyền bổ nhiệm của HĐQT, Tổng Giám Đốc có quyền được đề xuất lên HĐQT trước khi bổ nhiệm hoặc tham gia ký hợp đồng lao động với họ.
2. Tổng Giám Đốc chịu trách nhiệm tuân thủ các quy định về lao động trong quá trình sử dụng lao động

của Công Ty. Tổng giám đốc có quyền ban hành các quy chế nội bộ của Công Ty theo thẩm quyền hoặc theo ủy quyền, phân cấp của HĐQT để ràng buộc tất cả các nhân viên của Công Ty.

CHƯƠNG X

NHIỆM VỤ CỦA CÁC THÀNH VIÊN HĐQT, THÀNH VIÊN BKS, TỔNG GIÁM ĐỐC VÀ CÁN BỘ QUẢN LÝ

ĐIỀU 36: NGHĨA VỤ CỦA NGƯỜI QUẢN LÝ CÔNG TY

1. Thành viên HĐQT, Tổng Giám Đốc và Cán Bộ Quản Lý khác có các nghĩa vụ sau đây:
 - a. Thực hiện các quyền và nhiệm vụ được giao theo đúng quy định của Luật Doanh Nghiệp, Pháp Luật có liên quan, Điều Lệ này, Nghị quyết của ĐHCĐ;
 - b. Thực hiện các quyền và nhiệm vụ được giao một cách trung thực, cẩn trọng, tốt nhất nhằm bảo đảm lợi ích hợp pháp tối đa của Công Ty và Cổ Đông của Công Ty;
 - c. Trung thành với lợi ích của Công Ty và Cổ Đông của Công Ty; không sử dụng thông tin, bí quyết, cơ hội kinh doanh của Công Ty, lạm dụng địa vị, chức vụ và tài sản của Công Ty để tư lợi hoặc phục vụ lợi ích của tổ chức, cá nhân khác;
 - d. Thông báo kịp thời, đầy đủ, chính xác cho Công Ty về các doanh nghiệp mà họ và Người Có Liên Quan của họ làm chủ hoặc có phần vốn góp, cổ phần chi phối; thông báo này được niêm yết tại trụ sở chính và chi nhánh của Công Ty.
2. Ngoài các nghĩa vụ quy định tại Điều 36.1, các thành viên HĐQT và Tổng Giám Đốc không được tăng lương, trả thưởng khi Công Ty không thanh toán đủ các khoản nợ đến hạn.
3. Các nghĩa vụ khác theo quy định của Luật Doanh Nghiệp và Điều Lệ này.
4. Cán bộ quản lý của Công Ty bao gồm: Chủ tịch HĐQT, Thành viên HĐQT, Tổng Giám Đốc và các cán bộ quản lý khác do HĐQT có thẩm quyền nhân danh Công Ty ký kết giao dịch của Công Ty (“Cán Bộ Quản Lý”).

ĐIỀU 37: TRÁCH NHIỆM CẨN TRỌNG CỦA THÀNH VIÊN HĐQT, THÀNH VIÊN BKS, TỔNG GIÁM ĐỐC VÀ CÁN BỘ QUẢN LÝ

Thành viên HĐQT, thành viên BKS hoặc TGD và Cán Bộ Quản Lý khác được uỷ thác có trách nhiệm thực hiện các nhiệm vụ của mình một cách trung thực và theo phương thức mà họ tin là vì lợi ích cao nhất của Công Ty và với một mức độ cẩn trọng mà một người thận trọng thường có khi đảm nhiệm vị trí tương đương và trong hoàn cảnh tương tự.

ĐIỀU 38: BỒI THƯỜNG

1. Khi thực hiện chức năng, nhiệm vụ hoặc thực thi các công việc theo ủy quyền của Công Ty, thành viên HĐQT, thành viên BKS, Cán Bộ Quản Lý, nhân viên hoặc là đại diện theo ủy quyền của Công Ty được Công Ty bồi thường khi trở thành một bên liên quan trong các vụ khiếu nại, kiện, khởi tố (trừ các vụ kiện do Công Ty là người khởi kiện) trong các trường hợp sau:
 - a. Đã hành động trung thực, cẩn trọng, mẫn cán vì lợi ích và không mâu thuẫn với lợi ích của Công Ty;

- b. Tuân thủ luật pháp và không có bằng chứng xác nhận đã không thực hiện trách nhiệm của mình.
2. Những chi phí được bồi thường bao gồm: các chi phí phát sinh (kể cả phí thuê luật sư), chi phí phán quyết, các khoản tiền phạt, các khoản phải thanh toán phát sinh trong thực tế hoặc được coi là mức hợp lý khi giải quyết những vụ việc này trong khuôn khổ Pháp Luật cho phép. Công Ty có quyền mua bảo hiểm cho những người đó để tránh những trách nhiệm bồi thường nêu trên.

CHƯƠNG XI

BAN KIỂM SOÁT

ĐIỀU 39: BAN KIỂM SOÁT

1. BKS sẽ có các quyền và trách nhiệm theo quy định của Pháp Luật và Điều Lệ này, bao gồm:
- a. giám sát tính tuân thủ của HĐQT và Tổng Giám Đốc trong việc quản lý và hoạt động của Công Ty;
 - b. thanh tra tính bất hợp lý, bất hợp pháp, không trung thực và bất cẩn trong việc quản lý và vận hành các hoạt động kinh doanh của Công Ty;
 - c. Đánh giá báo cáo kết quả kinh doanh, báo cáo tài chính năm và giữa năm của Công Ty, báo cáo đánh giá quản lý của HĐQT, và nộp các báo cáo về các đánh giá đó tại cuộc họp thường niên của ĐHĐCĐ;
 - d. Kiểm tra sổ sách kế toán và các tài liệu khác của Công Ty, và việc quản lý và vận hành của Công Ty, bất kể theo tự quyền quyết định của BKS hoặc theo đề nghị của một Cổ Đông Lớn;
 - e. Đề xuất lên HĐQT hoặc ĐHĐCĐ các phương pháp để sửa đổi, cải thiện hoặc bổ sung vào cơ cấu tổ chức của Công Ty, hoặc việc quản lý và vận hành các hoạt động kinh doanh của Công Ty;
 - f. Báo cáo HĐQT nếu bất kỳ thành viên nào của HĐQT hoặc Tổng Giám Đốc hoặc Cán Bộ Quản Lý khác không tuân thủ các nghĩa vụ của Cán Bộ Quản Lý của Công Ty;
 - g. Triệu tập cuộc họp ĐHĐCĐ trong một số trường hợp cụ thể;
 - h. Yêu cầu tòa án hoặc trong tài hủy Nghị quyết của ĐHĐCĐ nếu (1) trình tự và thủ tục cho việc triệu tập họp ĐHĐCĐ không tuân thủ quy định của Pháp Luật và Điều Lệ của Công Ty hoặc (2) trình tự và thủ tục cho việc ban hành một nghị quyết và nội dung của nghị quyết đó vi phạm luật và Điều Lệ của Công Ty;
 - i. Báo cáo trực tiếp lên các cơ quan hành chính Nhà nước có thẩm quyền nếu BKS phát hiện các vi phạm Pháp Luật hoặc Điều Lệ Công Ty của thành viên HĐQT hoặc Cán Bộ Quản Lý;
 - j. Phụ thuộc vào thẩm quyền của ĐHĐCĐ trong việc lựa chọn các kiểm toán viên hoặc công ty kiểm toán độc lập, xem xét việc chỉ định, trả lương, điều khoản của các cam kết hoặc tái chỉ định các kiểm toán viên hoặc công ty kiểm toán độc lập và các vấn đề liên quan đến việc từ nhiệm hoặc bãi miễn của các kiểm toán viên hoặc công ty kiểm toán đó;
 - k. Thảo luận với kiểm toán viên độc lập về tính chất và phạm vi kiểm toán trước khi bắt đầu việc kiểm toán;
 - l. Xem xét thư quản lý của kiểm toán viên độc lập và ý kiến phản hồi của ban quản lý công ty;
 - m. Phê chuẩn và kiểm tra toàn bộ các chính sách và công cụ phòng ngừa rủi ro sẽ được Công Ty và các Công Ty Con thực hiện, nếu có; và

- n. Kiểm tra xem xét tất cả các giao dịch với Người Có Liên Quan mà tiềm năng có xung đột lợi ích cũng như tất cả các xung đột lợi ích để đảm bảo rằng các biện pháp thích hợp đã được đưa ra nhằm giảm thiểu các xung đột lợi ích đó;
 - o. Ủy thác điều tra nội bộ và kiểm tra các phát hiện từ việc điều tra nội bộ đối với các vấn đề có bất kỳ gian dối khả nghi hoặc bất thường hoặc việc không thực hiện kiểm soát nội bộ hoặc vi phạm Pháp Luật mà đã hoặc có thể có ảnh hưởng lớn tới kết quả hoạt động và/hoặc vị thế tài chính của Công Ty và các Công Ty Con;
 - p. Kiểm tra các chính sách và hướng dẫn quản lý rủi ro và giám sát việc tuân thủ với các chính sách và hướng dẫn đó;
 - q. Thuê tư vấn chuyên nghiệp độc lập hoặc tư vấn về pháp lý và đảm bảo việc tham gia của các chuyên gia bên ngoài có kinh nghiệm và chuyên môn đối với hoạt động kinh doanh của Công Ty, nếu thấy cần thiết;
 - r. Trong trường hợp BKS cho rằng cần thiết, yêu cầu các tư vấn chuyên môn từ một tổ chức tư vấn tài chính độc lập (“IFA”) bên ngoài để đưa ý kiến về các giao dịch với Người Có Liên Quan để xem xét giao dịch đó có được thực hiện trên cơ sở các điều khoản thương mại thông thường và không có ảnh hưởng tới lợi ích của Công Ty và các Cổ Đông thiểu số của Công Ty hay không. IFA sẽ là một công ty tư vấn tài chính uy tín và được công nhận nhưng đồng thời có thể là một kiểm toán viên có đủ tư cách hành nghề là thành viên của Hội kiểm toán viên hành nghề Việt Nam và là thành viên của một công ty kiểm toán đã hoạt động tại Việt Nam ít nhất 10 năm;
2. BKS ít nhất sẽ họp hai lần mỗi năm để thảo luận và kiểm tra những vấn đề sau đây, nếu phù hợp:
- a. thuê các kiểm toán viên bên ngoài hoặc công ty kiểm toán phù hợp để thực hiện soát xét đầy đủ kiểm soát nội bộ của Công Ty bao gồm xem xét các kế hoạch kiểm toán của các kiểm toán viên bên ngoài, bao gồm kết quả kiểm tra của kiểm toán viên nội bộ và kiểm toán viên bên ngoài và đánh giá của họ về hệ thống kiểm soát kế toán nội bộ, thư của họ gửi ban điều hành và phản hồi của ban điều hành, với điều kiện rằng việc lựa chọn các kiểm toán viên bên ngoài hoặc công ty kiểm toán phải được chấp thuận bởi ĐHCĐ;
 - b. xem xét kết quả kiểm tra nội bộ và phản hồi từ các Cán Bộ Quản Lý; đảm bảo rằng toàn bộ những yếu điểm trong việc kiểm soát nội bộ sẽ được sửa chữa một cách phù hợp và cần trọng dựa trên bất kỳ phát hiện nào của các kiểm toán viên bên ngoài hoặc của công ty kiểm toán và bất kỳ hành động nào được thực hiện bởi BKS, các Cổ Đông hoặc HĐQT, khi cần thiết và thích đáng, để sửa chữa những yếu điểm đó trên cơ sở các phát hiện đó; xem xét các báo cáo về hệ thống kiểm soát nội bộ trước trình HĐQT phê duyệt;
 - c. trường hợp Công Ty chào bán cổ phần để niêm yết trên sở giao dịch chứng khoán nước ngoài ở ngoài lãnh thổ Việt Nam, đánh giá nhu cầu của Công Ty về việc chỉ định hoặc tiếp tục chỉ định một tổ chức tư vấn tuân thủ để tư vấn Công Ty về các vấn đề liên quan tới pháp luật, các quy định và quy chế của các quốc gia ngoài Việt Nam mà tại đó đặt sở giao dịch nước ngoài liên quan và các quy định niêm yết của sở giao dịch chứng khoán nước ngoài trong quá trình niêm yết tại nước ngoài;
 - d. xem xét tất cả các giao dịch với Người Có Liên Quan.
3. Cổ Đông nắm giữ tối thiểu đến 10% Cổ Phần có quyền biểu quyết trong thời hạn liên tục ít nhất sáu tháng có thể tập họp phiếu bầu vào với nhau để đề cử các ứng viên vào BKS. Cổ Đông hoặc nhóm Cổ Đông nắm giữ từ 10% đến dưới 30% được đề cử hai thành viên; từ 30% đến dưới 50% được đề cử ba thành viên; từ 50% đến dưới 65% được đề cử bốn thành viên và nếu từ 65% trở lên được đề cử đủ số ứng viên.

4. Trường hợp số lượng các ứng viên BKS thông qua đề cử và ứng cử vẫn không đủ số lượng cần thiết, BKS đương nhiệm có thể đề cử thêm ứng cử viên hoặc tổ chức đề cử theo cơ chế được Công Ty quy định tại quy chế của Công Ty. Cơ chế BKS đương nhiệm đề cử ứng viên BKS phải được công bố rõ ràng và phải được ĐHĐCĐ thông qua trước khi tiến hành đề cử.
5. Thành viên HĐQT, và Cán Bộ Quản Lý phải cung cấp các thông tin và tài liệu liên quan tới hoạt động của Công Ty theo yêu cầu của BKS và thư ký phải đảm bảo rằng bản sao của tất cả các tài liệu tài chính và thông tin được cung cấp cho thành viên của HĐQT và biên bản các cuộc họp HĐQT, được cung cấp cho các thành viên của BKS vào cùng thời điểm với HĐQT.
6. BKS sẽ có từ ba (03) đến năm (05) thành viên. BKS phải có hơn một nửa số thành viên thường trú ở Việt Nam. Thành viên BKS phải là kiểm toán viên hoặc kế toán viên và không phải là (i) nhân viên trong bộ phận kế toán, tài chính của Công Ty hoặc (ii) thành viên hay nhân viên của công ty kiểm toán độc lập đang thực hiện việc kiểm toán các báo cáo tài chính của Công Ty trong 03 năm liền trước đó. Các thành viên BKS không phải là Người Có Liên Quan với các thành viên HĐQT, TGĐ và các Cán Bộ Quản Lý khác của Công Ty. Các ứng cử viên được bầu vào BKS phải đảm bảo các yêu cầu về điều kiện và cơ chế lựa chọn thành viên BKS quy định cụ thể tại Quy chế bầu cử thành viên BKS được ĐHĐCĐ thông qua. BKS phải chỉ định một thành viên làm Trưởng BKS. Trưởng BKS phải là kế toán viên chuyên nghiệp, phải làm việc chuyên trách tại Công Ty và có các quyền và trách nhiệm sau:
 - a. Triệu tập cuộc họp BKS và hoạt động với tư cách là Trưởng BKS;
 - b. Yêu cầu Công Ty cung cấp các thông tin liên quan để báo cáo các thành viên của BKS;
 - c. Lập và ký báo cáo của BKS để trình lên ĐHĐCĐ.
7. BKS có thể, sau khi tham vấn cùng HĐQT, ban hành quy chế cho các cuộc họp BKS và cách thức tổ chức hoạt động nhưng sẽ không ít hơn 2 cuộc họp mỗi năm và số lượng thành viên tham dự tối thiểu tại mỗi cuộc họp sẽ bằng 2/3 tổng số thành viên của BKS. Mỗi thành viên của BKS sẽ có quyền biểu quyết đối với bất kỳ vấn đề nào được trình lên BKS để quyết định, trừ khi thành viên đó có lợi ích trong vấn đề liên quan và lợi ích đó xung đột với lợi ích của Công Ty. BKS sẽ thông qua các nghị quyết và đưa ra các quyết định bằng đa số (bằng hoặc nhiều hơn 50%) các thành viên BKS có mặt (bất kể có mặt trực tiếp, thông qua cuộc gọi hội thoại hoặc các hình thức giao tiếp khác) và có quyền biểu quyết đối với vấn đề đó. Trong trường hợp số phiếu biểu quyết ngang nhau, thì quyết định cuối cùng thuộc về phía có phiếu biểu quyết của thành viên độc lập.
8. Thành viên BKS được bổ nhiệm bởi ĐHĐCĐ và sẽ có nhiệm kỳ là năm (05) năm. Việc tái bổ nhiệm thành viên BKS phải được ĐHĐCĐ phê duyệt.
9. Tư cách thành viên BKS bị chấm dứt trong các trường hợp sau:
 - a. Nếu thành viên đó bị Pháp Luật cấm thực hiện vai trò thành viên BKS;
 - b. Nếu thành viên đó từ chức và gửi thông báo tới trụ sở chính của Công Ty;
 - c. Thành viên bị ảnh hưởng của sự rối loạn tâm thần và các thành viên khác của BKS nhận thấy thành viên đó không đủ năng lực hành vi;
 - d. Nếu thành viên đó trong mười hai tháng liên tiếp vắng mặt trong các cuộc họp của BKS mà không được phép của BKS và BKS quyết nghị rằng vị trí của người đó bị bỏ trống.
 - e. Thành viên đó bị miễn nhiệm, bãi nhiệm, cách chức thành viên BKS theo Nghị quyết của ĐHĐCĐ Công Ty.

10. Thành viên của BKS được thanh toán chi phí ăn, ở, đi lại, chi phí sử dụng dịch vụ tư vấn độc lập với mức hợp lý. Tổng mức thù lao và chi phí này không vượt quá tổng ngân sách hoạt động hàng năm của BKS đã được ĐHĐCĐ chấp thuận, trừ trường hợp ĐHĐCĐ có quyết định khác.

CHƯƠNG XII

QUYỀN ĐIỀU TRA SỔ SÁCH VÀ HỒ SƠ

ĐIỀU 40. QUYỀN ĐIỀU TRA SỔ SÁCH VÀ HỒ SƠ

1. Cổ Đông hoặc nhóm Cổ Đông đề cập trong Điều 10.3 của Điều Lệ này có quyền trực tiếp hoặc qua luật sư hoặc người được uỷ quyền, gửi văn bản yêu cầu được kiểm tra trong giờ làm việc và tại địa điểm kinh doanh chính của Công Ty về danh sách Cổ Đông gần nhất, các biên bản họp ĐHĐCĐ và sao chụp hoặc trích lục các hồ sơ đó. Yêu cầu kiểm tra do phía luật sư đại diện hoặc đại diện được uỷ quyền khác của Cổ Đông phải kèm theo giấy uỷ quyền của Cổ Đông mà người đó đại diện hoặc một bản sao được chứng thực hợp lệ của giấy uỷ quyền này.
2. Thành viên HĐQT, thành viên BKS, TGD và Cán Bộ Quản Lý khác có quyền kiểm tra Sổ Đăng Ký Cổ Đông của Công Ty, danh sách Cổ Đông và những sổ sách và hồ sơ khác của Công Ty vì những mục đích liên quan tới chức vụ của mình với điều kiện các thông tin này phải được bảo mật.
3. Công Ty sẽ phải lưu Điều Lệ này và những bản sửa đổi bổ sung Điều Lệ, Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh, các quy chế, các tài liệu chứng minh quyền sở hữu tài sản, biên bản họp ĐHĐCĐ và HĐQT, các báo cáo của BKS, báo cáo tài chính hàng năm, sổ sách kế toán và bất cứ giấy tờ nào khác theo quy định của Pháp Luật tại trụ sở chính hoặc một nơi khác với điều kiện là các Cổ Đông và cơ quan đăng ký kinh doanh được thông báo về địa điểm lưu trữ các giấy tờ này.
4. Cổ Đông có quyền được Công Ty cấp một bản Điều Lệ Công Ty miễn phí. Trường hợp Công Ty có trang thông tin điện tử riêng, Điều Lệ này phải được công bố trên trang thông tin điện tử đó.

CHƯƠNG XIII

PHÂN CHIA LỢI NHUẬN

ĐIỀU 41: CỔ TỨC

1. Trong bất kỳ năm tài chính nào, Công Ty có thể trả cổ tức cho các Cổ Đông Sở Hữu Cổ Phần Phổ Thông với điều kiện Công Ty có lãi, đã hoàn thành nghĩa vụ nộp thuế và các nghĩa vụ tài chính khác theo quy định Pháp Luật, cũng như đã nộp vào các quỹ, và ngay sau khi trả hết cổ tức, Công Ty vẫn đủ khả năng thanh toán tất cả các khoản nợ và thực hiện các nghĩa vụ tài sản khác đến hạn phải trả.
2. Theo Nghị quyết của ĐHĐCĐ và theo quy định của Pháp Luật, cổ tức trên Cổ Phần Phổ Thông sẽ được công bố và thanh toán từ lợi nhuận giữ lại của Công Ty.
3. Theo quy định của Luật Doanh Nghiệp, HĐQT có thể trả cổ tức tạm thời nếu thấy rằng việc thanh toán đó là phù hợp với khả năng sinh lời của Công Ty. Công Ty không trả lãi cho khoản tiền trả cổ tức hay khoản tiền chi trả liên quan tới một loại cổ phiếu.
4. Theo đề nghị của HĐQT, ĐHĐCĐ có thể phê duyệt việc trả cổ tức toàn bộ hoặc một phần bằng cổ phiếu và HĐQT sẽ thực hiện nghị quyết này.
5. Bất kỳ cổ tức hoặc khoản thanh toán nào bằng tiền mặt hoặc Cổ Phần sẽ được thanh toán bằng tiền Việt Nam Đồng thông qua hình thức chuyển khoản qua ngân hàng nếu Công Ty có chi tiết tài khoản của Cổ Đông để Công Ty có thể thực hiện việc chuyển khoản số tiền đó tới tài khoản của Cổ Đông đó, hoặc

bằng hình thức gửi séc tới địa chỉ của Cổ Đông trong Sổ Đăng Ký Cổ Đông, nếu Công Ty không có thông tin về tài khoản của Cổ Đông.

6. Trường hợp cổ tức hay những khoản tiền khác liên quan tới một loại cổ phiếu được chi trả bằng tiền mặt, Công Ty sẽ phải chi trả bằng tiền đồng Việt Nam và có thể thanh toán bằng séc hoặc lệnh trả tiền gửi qua bưu điện tới địa chỉ đã đăng ký của Cổ Đông thụ hưởng và trường hợp có rủi ro phát sinh (từ địa chỉ đã đăng ký của Cổ Đông) thì Cổ Đông đó phải chịu. Ngoài ra, các khoản tiền trả cổ tức hoặc các khoản tiền khác được chi trả bằng tiền mặt liên quan tới một loại cổ phiếu có thể được chi trả bằng chuyển khoản ngân hàng khi Công Ty đã có thông tin chi tiết về ngân hàng của Cổ Đông nhằm cho phép Công Ty thực hiện được việc chuyển khoản trực tiếp vào tài khoản ngân hàng của Cổ Đông. Trường hợp Công Ty đã chuyển khoản theo đúng các thông tin chi tiết về ngân hàng do Cổ Đông cung cấp mà Cổ Đông đó không nhận được tiền, Công Ty không phải chịu trách nhiệm về khoản tiền Công Ty chuyển cho Cổ Đông thụ hưởng.
7. Trường hợp có sự chấp thuận của ĐHQĐ, HĐQT có thể quyết định và thông báo rằng những người sở hữu Cổ Phần Phổ Thông được nhận cổ tức bằng các Cổ Phần Phổ Thông thay cho cổ tức bằng tiền mặt. Các Cổ Phần bổ sung để trả cổ tức này được ghi là những Cổ Phần đã thanh toán đầy đủ tiền mua trên cơ sở giá trị của các Cổ Phần trả cổ tức phải tương đương với số tiền mặt trả cổ tức.
8. Căn cứ Luật Doanh Nghiệp, HĐQT thông qua nghị quyết xác định một ngày cụ thể để chốt danh sách cổ đông. Căn cứ theo ngày đó, những người đăng ký với tư cách cổ đông hoặc người sở hữu các chứng khoán khác được quyền nhận cổ tức, lãi suất, phân phối lợi nhuận, nhận cổ phiếu, nhận thông báo hoặc tài liệu khác.
9. Công Ty sẽ trả cổ tức cho Cổ Đông Sở Hữu Cổ Phần Ưu Đãi theo các điều khoản và điều kiện nêu tại Điều Lệ này và/hoặc cổ phiếu của Cổ Phần Ưu Đãi tương ứng.

CHƯƠNG XIV

TÀI KHOẢN NGÂN HÀNG, NĂM TÀI CHÍNH VÀ HỆ THỐNG KẾ TOÁN

ĐIỀU 42: TÀI KHOẢN NGÂN HÀNG

1. Công Ty có thể mở tài khoản dưới bất kỳ hình thức nào, Việt Nam Đồng hoặc ngoại tệ và dù là vãng lai, tiền gửi hoặc hình thức khác, tại một Ngân hàng Việt nam hoặc Ngân hàng nước ngoài được phép hoạt động tại Việt nam phù hợp với Pháp Luật.
 - a. Nếu Công Ty có nhu cầu và tùy thuộc vào sự phê chuẩn trước bởi cơ quan nhà nước có thẩm quyền, Công Ty có thể mở tài khoản ở nước ngoài.
 - b. Công Ty thực hiện mọi việc thanh toán và kế toán qua các tài khoản bằng tiền Việt Nam hoặc ngoại tệ tại ngân hàng nơi Công Ty mở tài khoản.

ĐIỀU 43: NĂM TÀI CHÍNH

Năm tài chính của Công Ty sẽ bắt đầu vào ngày đầu tiên của tháng 1 hàng năm và kết thúc vào ngày 31 tháng 12 của cùng năm đó.

ĐIỀU 44: BÁO CÁO VÀ CHẾ ĐỘ KẾ TOÁN

1. Công Ty sẽ áp dụng Chế độ kế toán Việt Nam (VAS), hoặc bất kỳ chế độ kế toán nào khác được Bộ Tài chính duyệt, và sẽ lưu giữ các sổ sách kế toán theo thông lệ kế toán chung của Việt Nam.
2. Công Ty sẽ lưu trữ sổ sách kế toán thể hiện bằng đồng VND. Sổ sách này có thể được chuyển sang thể

hiện bằng tiền USD trong trường hợp HĐQT yêu cầu.

3. Công Ty lưu trữ sổ sách kế toán bằng tiếng Việt. Công Ty lưu giữ các sổ sách theo đề mục hoạt động kinh doanh mà sổ sách đó liên quan tới. Việc lưu trữ phải chính xác, cập nhật và có hệ thống, đủ để trình bày và mô tả các giao dịch của Công Ty.
4. Tất cả các tài liệu và báo cáo tài chính kế toán quan trọng phải được phê duyệt và ký bởi TGD và Kế toán trưởng.

ĐIỀU 45. ĐẦU TƯ TÀI CHÍNH TRONG TƯƠNG LAI

1. Các Cổ Đông không có nghĩa vụ đóng góp thêm tài chính cho Công Ty.
2. Công Ty có thể tăng vốn, phát hành cổ phần ra công chúng, và phát hành trái phiếu, trái phiếu chuyển đổi hoặc các loại trái phiếu khác theo quy định của Pháp Luật và Điều Lệ này.

ĐIỀU 46: QUỸ DỰ TRỮ BỔ SUNG VỐN ĐIỀU LỆ

Hàng năm, Công Ty trích từ lợi nhuận sau thuế của mình một khoản vào quỹ dự trữ để bổ sung Vốn Điều Lệ theo quy định của Pháp Luật. Khoản trích này không được vượt quá 5% lợi nhuận sau thuế của Công Ty và được trích cho đến khi quỹ dự trữ bằng 10% Vốn Điều Lệ của Công Ty.

CHƯƠNG XV

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HÀNG NĂM, CÔNG BỐ THÔNG TIN VÀ BẢO MẬT

ĐIỀU 47: BÁO CÁO TÀI CHÍNH HÀNG NĂM

1. Công Ty phải lập bản BCTC hàng năm theo quy định của Pháp Luật cũng như các quy định của UBCKNN (trường hợp Công ty đã niêm yết trên thị trường chứng khoán) và báo cáo phải được kiểm toán theo quy định tại Điều 48 của Điều Lệ này. Trong thời hạn chín mươi (90) ngày kể từ khi kết thúc mỗi năm tài chính, phải nộp BCTC hàng năm đã được ĐHCĐ thông qua cho cơ quan thuế có thẩm quyền, UBCKNN, SGDCK (trường hợp Công Ty đã niêm yết trên thị trường chứng khoán) và cơ quan đăng ký kinh doanh.
2. BCTC năm phải bao gồm: (1) Bảng cân đối kế toán phản ánh một cách trung thực và khách quan tình hình các hoạt động của Công Ty cho đến thời điểm lập báo cáo, (2) Báo cáo kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh phản ánh một cách trung thực và khách quan tình hình về lãi và lỗ của Công Ty trong năm tài chính, (3) Báo cáo lưu chuyển tiền tệ, và (4) Thuyết minh BCTC. Trường hợp Công Ty là một công ty mẹ, ngoài BCTC riêng hàng năm còn phải bao gồm BCTC hợp nhất về tình hình hoạt động của Công Ty và nộp cho UBCKNN và SGDCK (trường hợp Công Ty đã niêm yết trên thị trường chứng khoán)
3. Các BCTC được kiểm toán (bao gồm ý kiến của kiểm toán viên), báo cáo sáu (06) tháng và quý của Công Ty phải được công bố trên Website của Công Ty;
4. Các tổ chức, cá nhân quan tâm đều được quyền kiểm tra hoặc sao chụp bản BCTC hàng năm đã được kiểm toán, báo cáo sáu (06) tháng và hàng quý trên Website của Công Ty.

ĐIỀU 48: KIỂM TOÁN

1. Trong trường hợp theo yêu cầu của Pháp Luật Việt Nam hoặc khi cần thiết, một công ty kiểm toán có uy tín sẽ được HĐQT bổ nhiệm là công ty kiểm toán chính thức của Công Ty để thực hiện việc kiểm toán cho Công Ty trong năm tài chính dựa trên những điều kiện và điều khoản thoả thuận với Công Ty. Chi phí cho việc kiểm toán sẽ do Công Ty chịu.

2. Công Ty chuẩn bị và gửi báo cáo tài chính hàng năm cho công ty kiểm toán sau khi hết năm tài chính;
3. Công ty kiểm toán sẽ kiểm tra, xác nhận và lập báo cáo về báo cáo tài chính hàng năm, liệt kê các khoản thu nhập và chi phí của Công Ty, và lập báo cáo kiểm toán và trình nộp Công Ty theo thời hạn thỏa thuận.

ĐIỀU 49: CON DẤU

1. HĐQT quyết định hình thức, nội dung, số lượng và việc sử dụng con dấu tùy từng thời điểm và theo quy định của Pháp Luật.
2. Người đại diện theo pháp luật Công Ty hoặc người được ủy quyền hợp pháp chịu trách nhiệm quản lý và sử dụng Con dấu phù hợp với quy định Pháp Luật hiện hành.

ĐIỀU 50: BẢO MẬT

Nếu không có sự đồng ý trước bằng văn bản của HĐQT, BKS, Cán Bộ Quản Lý, Cổ Đông hoặc Người Có Liên Quan nào được phép tiết lộ bất kỳ thông tin nào liên quan tới Công Ty hoặc các hoạt động kinh doanh của Công Ty mà thông tin đó không được phổ biến hoặc không dễ suy luận từ các thông tin đã được phổ biến rộng rãi, trừ khi người tiếp nhận thông tin là:

1. Công Ty thành viên của Công Ty (nếu có); hoặc
2. Các Cổ Đông theo như quy định tại Điều Lệ này hoặc được Nghị quyết của ĐHCĐ; hoặc
3. Cán Bộ Quản Lý và nhân viên của Công Ty hoặc các kiểm toán viên, tư vấn với lý do những người này cần biết thông tin để thực hiện công việc của mình trực tiếp hoặc gián tiếp liên quan tới hoạt động kinh doanh của Công Ty. Nhưng trong các trường hợp này, người tiếp nhận thông tin phải bảo mật các thông tin tiếp nhận và không tiết lộ cho bất cứ người nào khác; hoặc
4. Các Cổ Đông hoặc giám đốc (TGD) của Cổ Đông (trường hợp Cổ Đông là pháp nhân), hoặc các tư vấn và nhà cung cấp dịch vụ của Cổ Đông, với điều kiện là những người này phải cam kết bằng văn bản sẽ bảo mật các thông tin tiếp nhận và không tiết lộ cho bất cứ người nào khác; hoặc
5. Cho một số lượng nhất định các nhà đầu tư tiềm năng đang tìm kiếm cơ hội để mua, trực tiếp hoặc gián tiếp, bất kỳ Cổ Phần nào trong Công Ty, với điều kiện là những người này phải cam kết bằng văn bản sẽ bảo mật các thông tin tiếp nhận và không tiết lộ cho bất cứ người nào khác; hoặc
6. Các nội dung được yêu cầu phải cung cấp thông tin theo quy định của Pháp Luật, hoặc theo lệnh, yêu cầu, của một cơ quan tòa án hoặc cơ quan nhà nước có thẩm quyền; hoặc
7. Cơ quan thuế theo yêu cầu hợp lý và nhằm mục đích phục vụ việc kê khai nộp thuế mà Cổ Đông liên quan.

CHƯƠNG XVI

CHẤM DỨT HOẠT ĐỘNG VÀ GIẢI THỂ

ĐIỀU 51: CHẤM DỨT HOẠT ĐỘNG

1. Công Ty chấm dứt hoạt động hoặc bị giải thể trong các trường hợp sau:
 - a. Hết Thời Hạn hoạt động và bất cứ lần gia hạn nào sau đó;

- b. Theo phán quyết của các Tòa án của Việt Nam tuyên bố phá sản Công Ty theo quy định Pháp Luật hiện hành;
 - c. Chấm dứt trước thời hạn theo Nghị quyết của ĐHĐCĐ;
 - d. Bị thu hồi, hủy bỏ Giấy Chứng Nhận Đăng Ký Kinh Doanh bởi cơ quan nhà nước có thẩm quyền;
 - e. Không đủ số lượng thành viên tối thiểu theo quy định của Pháp Luật trong thời gian liên tục sáu (6) tháng liên tiếp; hoặc
 - f. Các trường hợp khác theo quy định của Pháp Luật.
2. Quyết định giải thể Công Ty trước thời hạn (hoặc gia hạn) phải được ĐHĐCĐ thông qua và được HĐQT thực hiện, và phải được thông báo tới cơ quan nhà nước có thẩm quyền xin phê chuẩn nếu cần thiết. Thông báo này phải được thực hiện phù hợp với quy định của Điều 202 của Luật Doanh Nghiệp.

ĐIỀU 52: THAY ĐỔI THỜI HẠN HOẠT ĐỘNG

1. Thời hạn hoạt động của Công Ty là vô hạn theo quy định tại Điều 3.6 của Điều Lệ này, trong trường hợp muốn thay đổi thời hạn hoạt động của Công Ty, HĐQT phải triệu tập họp ĐHĐCĐ để các Cổ Đông biểu quyết về việc thay đổi Thời Hạn hoạt động của Công Ty theo thời hạn mới mà HĐQT đề xuất.
2. Thời hạn hoạt động sẽ được thay đổi bằng một Nghị quyết có hiệu lực được các Cổ Đông đại diện cho ít nhất 65% số Cổ Phần Phổ Thông có quyền biểu quyết có mặt tại cuộc họp ĐHĐCĐ thông qua.

ĐIỀU 53: THANH LÝ

1. Sau khi có quyết định giải thể Công Ty, ĐHĐCĐ sẽ nhanh chóng thành lập Ban thanh lý bao gồm ba (3) thành viên và phải đưa ra trách nhiệm của Ban thanh lý. Các thành viên của Ban thanh lý có thể được lựa chọn trong số nhân viên Công Ty hoặc chuyên gia độc lập. Việc thanh lý sẽ được thực hiện trong thời hạn quy định của Pháp Luật. Tất cả các chi phí liên quan đến thanh lý sẽ được Công Ty ưu tiên thanh toán trước các khoản nợ khác của Công Ty.
2. Ban thanh lý chịu trách nhiệm báo cáo với phòng đăng ký kinh doanh về ngày thành lập và ngày bắt đầu hoạt động của mình. Kể từ khi đó, ban thanh lý sẽ đại diện Công Ty trong mọi công việc liên quan tới quá trình thanh lý trước Tòa án và các cơ quan hành chính.
3. Số tiền thu được từ việc thanh lý sẽ được thanh toán theo Pháp Luật.
4. Quá trình hoạt động của Ban thanh lý không được kéo dài quá sáu (6) tháng kể từ ngày được thành lập. Quá thời hạn trên, cho dù việc thanh lý vẫn chưa được hoàn thành, thì ban thanh lý vẫn phải chấm dứt hoạt động. Trong trường hợp này, các Cổ Đông sẽ tự giải quyết các vấn đề còn lại. Trường hợp có phát sinh tranh chấp, sẽ được giải quyết theo Điều 56 của Điều Lệ này.

ĐIỀU 54: TRƯỜNG HỢP BẾ TẮC GIỮA CÁC THÀNH VIÊN HĐQT VÀ CỔ ĐÔNG

Trừ khi Điều Lệ này có quy định khác, các Cổ Đông nắm giữ từ 51% số cổ phần đang lưu hành và có quyền biểu quyết trong bầu cử thành viên HĐQT, có quyền đệ đơn khiếu nại tới Tòa án để yêu cầu giải thể Công Ty theo một hay một số các căn cứ sau đây, sau khi ĐHĐCĐ đã được tiến hành tuy đạt được từ 51% biểu quyết tán thành mà không đủ số phiếu cần thiết theo Điều 25.1(b) của Điều Lệ để thông qua việc giải thể theo phương án của nhóm Cổ Đông này:

- a. Các thành viên HĐQT không thống nhất trong quản lý các công việc của Công Ty dẫn đến tình trạng không đạt được số phiếu cần thiết theo quy định để HĐQT hoạt động.

- b. Các Cổ Đông không thống nhất nên không thể đạt được số phiếu cần thiết theo quy định để tiến hành bầu thành viên HĐQT.
- c. Có sự bất đồng trong nội bộ và hai (2) hoặc nhiều nhóm Cổ Đông bị chia rẽ khiến cho việc giải thể sẽ là phương án có lợi hơn cả cho toàn thể Cổ Đông.

CHƯƠNG XVII

THÔNG BÁO, GIẢI QUYẾT TRANH CHẤP

ĐIỀU 55: THÔNG BÁO

1. Bất kỳ thông báo nào theo Điều Lệ này sẽ được lập thành văn bản bằng tiếng Việt, trường hợp cần thiết sẽ được lập thêm bằng tiếng Anh và phải được gửi bằng thư tay hoặc bưu điện hoặc gửi fax tới địa chỉ của các Cổ Đông được ghi trong Sổ Đăng Ký Cổ Đông. Trường hợp có mâu thuẫn giữa bản tiếng Anh và bản tiếng Việt, nội dung tại bản tiếng Việt sẽ được ưu tiên áp dụng.
2. Bất kỳ thông báo được gửi đi như dưới đây sẽ được xem như đã được nhận:
 - a. nếu được trao tận tay, tại thời điểm giao nhận hoặc thời điểm từ chối nhận;
 - b. nếu được gửi bằng đường bưu điện, ba (3) ngày sau ngày gửi (hoặc bảy (7) ngày sau ngày gửi nếu được gửi đi hoặc đến từ ngoài lãnh thổ Việt nam); hoặc
 - c. nếu được gửi bằng fax, khi máy fax của người gửi có tín hiệu báo việc gửi fax đã hoàn tất, trừ khi trong vòng tám (8) tiếng đồng hồ sau khi gửi, người nhận thông báo rằng họ vẫn chưa nhận được toàn bộ bản fax.
3. Trường hợp Cổ Đông là một nhóm người cùng đứng tên, thì thông báo sẽ được gửi cho người có tên đứng đầu tiên trong Sổ Đăng Ký Cổ Đông và thông báo gửi cho người đó sẽ có giá trị cho tất cả những người khác.
4. Công Ty sẽ thực hiện các nỗ lực hợp lý để bảo đảm tính chính xác của các địa chỉ trong Sổ Đăng Ký Cổ Đông, và Chủ tịch HĐQT sẽ sửa đổi các địa chỉ của Cổ Đông nếu nhận được thông báo bằng văn bản từ Cổ Đông đó.

ĐIỀU 56: GIẢI QUYẾT TRANH CHẤP

1. Trường hợp có tranh chấp hoặc khiếu nại phát sinh liên quan tới hoạt động của Công Ty hoặc các quyền của Cổ Đông theo Điều Lệ này hoặc theo quy định của Pháp Luật, giữa:
 - a. Cổ Đông và Công Ty; hoặc
 - b. Cổ Đông và HĐQT, BKS, TGD hoặc Cán Bộ Quản Lý khác;thì các bên liên quan sẽ cố gắng cùng giải quyết tranh chấp thông qua thương lượng và hòa giải. Trường hợp tranh chấp liên quan tới HĐQT hay Chủ tịch HĐQT, Chủ tịch HĐQT sẽ chủ trì việc giải quyết tranh chấp và sẽ yêu cầu từng bên trình bày các vấn đề liên quan đến tranh chấp trong vòng ba mươi (30) Ngày Làm Việc kể từ ngày tranh chấp phát sinh. Trường hợp tranh chấp liên quan tới HĐQT hay Chủ tịch HĐQT, bất cứ bên nào cũng có thể yêu cầu Trung tâm Trọng Tài Quốc Tế Việt Nam (VIAC) chỉ định một hòa giải viên để hành động với tư cách trọng tài cho quá trình giải quyết tranh chấp, chi phí hòa giải sẽ do bên yêu cầu chịu.
2. Trường hợp không đạt được thỏa thuận hòa giải trong vòng sáu (6) tuần kể từ ngày bắt đầu quá trình hòa

giải, hoặc đề nghị hòa giải không được hai bên đồng ý, thì bất kỳ bên nào cũng có thể đưa vụ việc ra Trung Tâm Trọng Tài Quốc Tế Việt Nam (VIAC), để có quyết định cuối cùng theo các quy định hiện hành của Quy Tắc Trọng Tài của VIAC có hiệu lực tại thời điểm nộp đơn theo hướng dẫn như sau:

- a. Địa điểm: Hà Nội.
- b. Ngôn ngữ tố tụng: Tiếng Việt.
- c. Số lượng Trọng tài viên: Ba (3) trọng tài viên. Mỗi bên tham gia vào tranh chấp sẽ chỉ định một trọng tài viên, và trọng tài viên thứ ba sẽ được chỉ định bởi hai trọng tài viên đã được chỉ định, hoặc bởi VIAC, theo Quy Tắc Trọng Tài của VIAC, đóng vai trò Chủ tịch Hội đồng trọng tài.
- d. Phán quyết: Phán quyết trọng tài sẽ là chung thẩm và có hiệu lực bắt buộc thi hành với các bên.
- e. Chi phí: Chi phí trọng tài sẽ do bên thua kiện chịu, trừ khi được quy định khác theo phán quyết.
- f. Thi hành: Bên thắng kiện theo phán quyết có thể yêu cầu tòa án (bao gồm cả tòa án nơi mà bên thua có tài sản) hoặc cơ quan tư pháp thi hành phán quyết trọng tài.

CHƯƠNG XVIII

SỬA ĐỔI BỔ SUNG ĐIỀU LỆ

ĐIỀU 57: SỬA ĐỔI BỔ SUNG ĐIỀU LỆ

1. Việc sửa đổi và bổ sung Điều Lệ phải được xem xét và quyết định bởi các Cổ Đông đại diện cho ít nhất 65% tổng giá trị cổ phần có quyền biểu quyết tham gia trực tiếp hoặc ủy quyền có mặt tại ĐHĐCĐ hoặc được thông qua theo hình thức lấy ý kiến bằng văn bản theo quy định của Điều lệ này.
2. Bất kỳ quy định Pháp Luật nào liên quan tới hoạt động của Công Ty mà không được quy định tại Điều Lệ này hoặc có quy định Pháp Luật mới ban hành mà trái với Điều Lệ này thì quy định mới đó sẽ được áp dụng và điều chỉnh hoạt động của Công Ty.

ĐIỀU 58: NGÀY HIỆU LỰC

1. Điều Lệ này gồm 18 chương với 58 Điều và Phụ Lục kèm theo là bản Điều Lệ hợp pháp và chính thức của Công Ty. Điều Lệ này có hiệu lực kể từ ngày được ĐHĐCĐ thông qua và thay thế cho bản điều lệ ban hành trước đây cùng các bản Phụ lục sửa đổi, bổ sung (nếu có).
2. Điều Lệ này được làm thành hai (2) bản gốc bằng tiếng Việt và hai (2) bản gốc bằng tiếng Anh và được lưu giữ tại trụ sở chính của Công Ty. Trường hợp mâu thuẫn giữa bản tiếng Anh và bản tiếng Việt, nội dung bản tiếng Việt sẽ được ưu tiên áp dụng.
3. Bản sao hoặc trích lục của Điều Lệ phải được ký bởi Chủ tịch HĐQT hoặc TGD thì mới có giá trị. Không hạn chế bởi quy định này, Chủ tịch HĐQT hoặc TGD hoặc người được TGD ủy quyền, phân cấp có quyền cấp sao y bản chính hoặc trích lục một phần từ bản chính của Điều Lệ Công Ty để cung cấp cho Cổ Đông, các đối tác, cơ quan có thẩm quyền hay các bên liên quan của Công Ty.

CHỮ KÝ
ĐẠI DIỆN THEO PHÁP LUẬT CỦA *VF*
CÔNG TY CỔ PHẦN VINCOM RETAIL



Họ tên: Trần Mai Hoa
Chức vụ: Tổng Giám Đốc

PHỤ LỤC 1 - CHI TIẾT VỀ VỐN ĐIỀU LỆ CÔNG TY

Stt	Thời điểm	Vốn Điều Lệ (VND)	Ghi chú
1.	11/4/2012	6.000.000.000	Thành lập Công Ty
2.	02/5/2013	2.944.200.000.000	Tăng vốn điều lệ
3.	18/7/2013	5.773.800.000.000	Tăng vốn điều lệ
4.	26/12/2013	9.303.800.000.000	Tăng vốn điều lệ
5.	6/5/2014	12.010.580.000.000	Tăng vốn điều lệ
6.	1/6/2015	12.019.678.000.000	Tăng vốn điều lệ
7	25/6/2015	14.172.245.470.000	Tăng vốn điều lệ
8	08/03/2016	15.717.163.270.000	Tăng vốn điều lệ
9	24/05/2016	16.971.386.417.829	Tăng vốn điều lệ
10	27/10/2016	17.089.237.420.000	Tăng vốn điều lệ
11	16 /12/2016	21.091.724.950.000	Tăng vốn điều lệ
12	12/09/2017	21.510.924.950.000 (bao gồm 1.516.639.940 Cổ Phần Phổ Thông và 634.452.555 Cổ Phần Ưu Đãi)	Tăng vốn điều lệ
13	15/9/2017	19.010.787.330.000 (bao gồm 1.516.639.940 Cổ Phần Phổ Thông và 384.438.793 Cổ Phần Ưu Đãi)	Giảm vốn điều lệ